64. [1140122] Quản lý rủi ro trong đầu tư: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: QUẢN LÝ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ
Mã học phần: 1140122
Tên tiếng Anh: RISK MANAGEMENT IN INVESTMENTS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần:Quản lý rủi ro trong đầu tư
- Mã học phần:1140122 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước:Lập dự án đầu tư, Lý thuyết xác suất và thống kê toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 03 tiết
  + Thảo luận: 06 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro trong đầu tư, từ đó giúp cho sinh viên có được các kỹ năng nhận diện các rủi ro trong hoạt động đầu tư, đánh giá các rủi ro để từ đó giúp cho nhà đầu tư xác định được mức độ rủi ro trong các phương án đầu tư nhằm đưa ra các quyết định có nên đầu tư hay không và đầu tư như thế nào là hợp lý. Học phần cũng sẽ đề cập và cách áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro trong đầu tư như: tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, phong tỏa rủi ro, tự bảo hiểm, bảo hiểm...và các phương pháp mạo hiểm trong đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về công thức tính xác suất, hoạt động dầu tư và dự án đầu tư.

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản lý rủi ro trong đầu tư như: khái niệm, phân loại, nội dung, quy trình, … , các phương pháp quản lý rủi ro.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về cách tính toán được các chỉ tiêu đánh giá rủi ro dự án đầu tư, các phương pháp phân tích rủi ro và một số phương pháp mạo hiểm trong đầu tư.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng kiến thức về quản lý rủi ro để đánh giá rủi ro dự án đầu tư trong thực tế.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với kết quả đánh giá rủi ro của mình, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua các kết quả đánh giá rủi ro dự án đầu tư.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được mục tiêu, yêu cầu, khái niệm, nội dung và quy trình của hoạt động quản lý rủi ro dự án đầu tư	PLO3	M
CO2	CLO2	Phân tích được các chỉ tiêu đánh giá rủi ro dự án đầu tư, các phương pháp phân tích rủi ro và một số phương pháp mạo hiểm trong đầu tư.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Đủ khả năng để tính toán được các chỉ tiêu đánh giá rủi ro dự án đầu tư	PLO8	M
	CLO4	Giải thích được nội dung, quy trình quản lý rủi ro, các chỉ tiêu đánh giá rủi ro dự án đầu tư để tiến hành quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư thực tế.	PLO4, PLO5	H M

CO4	CLO5	Tham gia các hoạt động nhóm nhằm nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro khi thực hiện đầu tư.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO6	Thể hiện khả năng học tập, nghiên cứu và tích luỹ kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	PLO13	M
CO6	CLO7	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Đào Quyết Thắng, Trần Thị Thanh Nhàn " *Bài giảng Quản lý rủi ro trong đầu tư*", tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2019).
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Nguyễn Hồng Minh, Bài giảng Quản lý rủi ro trong đầu tư, Đại học Kinh tế Quốc dân, (2008). [2] Nguyễn Xuân Thủy, Trần Việt Hoa, Nguyễn Việt Ánh, Quản trị dự án đầu tư, NXB Lao động xã hội, năm 2010
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	**Chương 1: Rủi ro và nhận diện rủi ro** 1.1. Khái niệm rủi ro 1.2. Phân loại rủi ro	CLO1, CLO4
[2] [2 tiết]	**Chương 1: Rủi ro và nhận diện rủi ro (tiếp theo)** 1.3. Rủi ro trong mối quan hệ với các tình huống khác 1.4. Rủi ro đối với các dự án đầu tư	CLO1, CLO4
[3] [2 tiết]	**Chương 2: Quản lý rủi ro dự án đầu tư** 2.1. Khái niệm, mục đích quản lý rủi ro dự án đầu tư 2.2. Quy trình quản lý rủi ro	CLO1, CLO4
[4] [2 tiết]	**Chương 2: Quản lý rủi ro dự án đầu tư (tiếp theo)** 2.3. Các phương pháp quản lý rủi ro	CLO1, CLO4
[5] [2 tiết]	**Chương 2: Quản lý rủi ro dự án đầu tư (tiếp theo)** 2.3. Các phương pháp quản lý rủi ro (tiếp theo)	CLO1, CLO4
[6] [2 tiết]	**Chương 2: Quản lý rủi ro dự án đầu tư (tiếp theo)** 2.4. Nội dung Quản lý rủi ro	CLO1, CLO4
[7] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro** 3.1. Số đo rủi ro Bài tập vận dụng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[8] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)** 3.2. Một số phương pháp phân tích rủi ro Bài tập vận dụng Thảo luận nhóm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[9] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)** Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[10] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)** 3.3. Ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro Bài tập vận dụng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7

[11] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)** 3.4. Một số dạng bài tập cơ bản	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[12] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích, đánh giá, ra quyết định đầu tư trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)** 3.4. Một số dạng bài tập cơ bản (tiếp theo) **Kiểm tra giữa kỳ**	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[13] [2 tiết]	**Chương 4: Phòng chống rủi ro và mạo hiểm trong đầu tư** 4.1. Các phương pháp phòng chống rủi ro trong đầu tư	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[14] [2 tiết]	**Chương 4: Phòng chống rủi ro và mạo hiểm trong đầu tư (tiếp theo)** 4.2. Các phương pháp mạo hiểm trong đầu tư	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[15] [2 tiết]	**Chương 4: Phòng chống rủi ro và mạo hiểm trong đầu tư (tiếp theo)** 4.2. Các phương pháp mạo hiểm trong đầu tư (tiếp theo)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[16] [2 tiết]	**Thảo luận: Bài tập nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[17] [1 tiết]	**Thảo luận: Bài tập nhóm** **Ôn tập**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình*** [1]				***30%***
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO7	5%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

		quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng			
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	5%
	Thảo luận	*Các bài báo cáo nhóm Sinh viên trình bày các bài báo cáo của nhóm theo yêu cầu của giảng viên phụ trách giảng dạy - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: đúng theo yêu cầu của giảng viên phụ trách giảng dạy.	Cuối chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	5%
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranthithanhnhan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0979691767

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lethithanhbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974714293

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Trần Thị Thanh Nhàn	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

65. [1140123] Kinh tế lao động: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ LAO ĐỘNG
Mã học phần: 1140123
Tên tiếng Anh: LABOR ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế lao động
- Mã học phần: 1140123 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc (chuyên ngành Kinh tế phát triển), Tự chọn (chuyên ngành Kinh tế đầu tư).
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập:
  + Hoạt động theo nhóm:
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế học lao động như cung và cầu lao động, cấu trúc thị trường lao động và các nguyên lý vận hành của thị trường lao động. Học phần giúp sinh viên giải thích được cách vận hành của thị trường lao động, tác động của các chính sách của chính phủ lên các vấn đề tiền lương, việc làm, đề xuất giải pháp và kiến nghị cho các vấn đề lao động – việc làm.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức cơ sở ngành, học phần sẽ vận dụng để phân tích cách thức phân bổ và sử dụng lao động.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực, phân tích các mô hình lý thuyết tạo việc làm cho người lao động, đánh

giá được thực trạng lao động – việc làm.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các công cụ kinh tế để tính toán được các chỉ tiêu năng suất lao động, phân tích các mô hình quyết định việc tham gia thị trường lao động của hộ gia đình và doanh nghiệp; phân tích nguồn dữ liệu thống kê về thị trường lao động, ứng dụng chính sách vào quản lý việc làm lao động.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm; linh hoạt xử lý tình huống đặt ra.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động – việc làm.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; hoàn thành các tình huống thực tế được giao.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Giải thích các yếu tố của lao động và thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực, các mô hình lý thuyết tạo việc làm cho người lao động.	PLO3	M
CO2	CLO2	Phân tích các công cụ kinh tế để tính toán được các chỉ tiêu năng suất lao động, phân tích các mô hình quyết định việc tham gia thị trường lao động; phân tích nguồn dữ liệu về thị trường lao động.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thể hiện được khả năng làm việc theo nhóm; khả năng phản ứng dựa trên tình huống.	PLO6	M
CO4	CLO4	Xây dựng các giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động – việc làm.	PLO12	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				

CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Xuân Cầu, *Giáo trình nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, (2014).
Tài liệu tham khảo thêm:	Khoa Khoa học quản lý, *Giáo trình Chính sách Kinh tế – xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, (2000). Phạm Quý Thọ, *Thị trường lao động Việt Nam – Thực trạng và các giải pháp phát triển*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội, (2003).
Các loại học liệu khác:	http: //molisa.gov.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)

[1] [3 tiết]	**Chương 1. Tổng quan về kinh tế lao động** 1.1.Con người và hoạt động lao động của con người 1.2. Vai trò của con người trong phát triển kinh tế – xã hội	CLO1
[2] [3 tiết]	**Chương 2. Dân số – Cơ sở hình thành nguồn nhân lực** 2.1. Các khái niệm 2.2. Dân số – cơ sở hình thành nguồn nhân lực 2.3. Phương pháp dự báo nguồn nhân lực	CLO1, CLO2
[3] [3 tiết]	**Chương 3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực** 3.1. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế 3.2. Cơ cấu đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3.3. Đánh giá hiệu quả đào tạo	CLO1, CLO2, CLO3
[4] [3 tiết]	**Chương 4. Cung lao động và các nhân tố ảnh hưởng** 4.1. Thị trường lao động 4.2. Cung lao động và các nhân tố ảnh hưởng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5] [3 tiết]	**Chương 5. Cầu lao động và các nhân tố ảnh hưởng** 5.1. Cầu lao động và cơ sở để xác định cầu lao động 5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến cầu lao động	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [3 tiết]	**Chương 6. Cân bằng thị trường lao động** 6.1. Cân bằng thị trường lao động cạnh tranh 6.2. Cân bằng thị trường lao động không cạnh tranh	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	**Chương 6. Cân bằng thị trường lao động (tiếp theo)** 6.3. Thị trường lao động Việt Nam 6.4. Một số giải pháp phát triển thị trường lao động Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	**Chương 7. Năng suất lao động** 7.1. Khái niệm, ý nghĩa tăng năng suất lao động 7.2. Các chỉ tiêu tính năng suất lao động	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	**Chương 7. Năng suất lao động (tiếp theo)** 7.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao đông cá nhân 7.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động xã hội	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	**Chương 8. Tạo việc làm cho người lao động** 8.1. Sự cần thiết phải tạo việc làm cho người lao động 8.2. Những nhân tố tác động tới tạo việc làm cho người lao động	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	8.3. Các mô hình lý thuyết tạo việc làm cho người lao động	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình*** [1]				*30%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên chia thành các nhóm khác nhau làm bài báo cáo nhóm theo chủ đề của giảng viên đưa ra. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng tiêu chí hoặc yêu cầu của giảng viên.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	20%
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO4	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenthithuydung@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0944 845 933

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lemykim@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0355 082 864

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

66. [1140142] Kinh tế quốc tế: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
Mã học phần: 1140142
Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế quốc tế
- Mã học phần: 1140142 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị các kiến thức căn bản về kinh tế học quốc tế nhằm giúp sinh viên hệ thống các nguyên nhân phát sinh mậu dịch, xác định mô hình và lợi ích mậu dịch; giải thích các chính sách thương mại quốc tế mà các nước áp dụng để hạn chế mậu dịch, phân tích tác hại của nó đối với lợi ích kinh tế quốc gia và toàn cầu; hiểu rõ các xu hướng chính của thương mại quốc tế và lợi ích của sự di chuyển nguồn lực giữa các nước.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1 và kinh tế vĩ mô 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kinh tế quốc tế.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại và chính sách thương mại quốc tế.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về sự di chuyển nguồn lực quốc tế, vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể xác định được mô hình mậu dịch cũng như lợi ích mà mậu dịch tự do mang lại cho hai quốc gia, xác định được cơ chế của các chính sách hạn chế mậu dịch, các hình thức liên kết kinh tế và lợi ích của sự di chuyển nguồn lực trên bình diện quốc tế.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng làm việc nhóm để có kiến thức về các vấn dề mậu dịch quốc tế hiện đại.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp và làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn dầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được các lý thuyết thương mại và chính sách thương mại quốc tế.	PLO3	M
CO2	CLO2	Giải thích được sự di chuyển nguồn lực quốc tế, lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế ngày nay.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Xác định được mô hình mậu dịch cũng như lợi ích mà mậu dịch tự do mang lại cho hai quốc gia, xác định cơ chế của các chính sách hạn chế mậu dịch, các hình thức liên kết kinh tế và sự di chuyển nguồn lực trên bình diện quốc tế.	PLO4	M

CO4	CLO4	Hình thành khả năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến mậu dịch quốc tế.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp và làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO6	CLO6	Thực hiện việc tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2012).
Tài liệu tham khảo thêm:	GS. TS Hoàng Thị Chinh, PGS. TS Nguyễn Phú Tụ, ThS. Nguyễn Hữu Lộc, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Thống Kê, (1998). PGS TS Nguyễn Phú Tụ, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Thống Kê, (2010). Dominick Salvator, "International Economics'' Prentice Hall, Englewood Criffs, New Jesey, Fifth Editon, (1995).
Các loại học liệu khác:	dei.gov.vn: Bộ ngoại giao mof.gov.vn: Bộ tài chính mot.gov.vn: Bộ công thương gso.gov.vn: Tổng cục Thống kê

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được kiến thức cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức	CLO1, CLO2, CLO3,

	đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Nhập môn kinh tế quốc tế** 1.1. Đối tượng của môn học kinh tế quốc tế 1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu môn kinh tế quốc tế 1.3. Những xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn hiện nay.	CLO1, CLO6
[2] [3 tiết]	**Chương 2: Lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế** 2.1. Quan điểm của phái trọng thương về mậu dịch quốc tế. 2.2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối. Bài tập vận dụng lý thuyết lợi thế tuyệt đối	CLO1, CLO3, CLO6
[3] [3 tiết]	**Chương 2: Lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế(tiếp theo)** 2.3. Lý thuyết lợi thế so sánh Bài tập vận dụng lý thuyết lợi thế so sánh	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	**Chương 2: Lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế(tiếp theo)** 2.4. Lý thuyết chi phí cơ hội không đổi. Bài tập vận dụng lý thuyết chi phí cơ hội không đổi	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	**Chương 3: Lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế** 3.1. Lý thuyết chuẩn về mậu dịch quốc tế. Bài tập vận dụng lý thuyết chuẩn về mậu dịch quốc tế	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	**Chương 3: Lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế(tiếp theo)** 3.2 Cung - cầu, đường cong ngoại thương và tỷ lệ mậu dịch	CLO1, CLO3, CLO6

[7] [3 tiết]	**Chương 3: Lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế(tiếp theo)** 3.3. Nguồn lực yếu tố sản xuất, cơ sở thương mại quốc tế của quốc gia	CLO1, CLO3, CLO6
[8] [3 tiết]	**Chương 4: Chính sách thuế quan trong thương mại quốc tế** 4.1. Khái niệm, vai trò của chính sách thương mại quốc tế 4.2. Chính sách thuế quan đối với thương mại quốc tế	CLO1, CLO3, CLO6
[9] [3 tiết]	**Chương 4: Chính sách thuế quan trong thương mại quốc tế(tiếp theo)** 4.3. Thuế quan danh nghĩa và tỷ lệ bảo hộ thật sự Bài tập vận dụng	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	**Chương 5: Các hình thức hạn chế mậu dịch khác và đàm phán mậu dịch đa phương** 5.1. Khái niệm về rào cản phi thuế quan 5.2. Các biện pháp hạn chế về định lượng nhập khẩu 5.3. Các biện pháp hạnh chế NK tương đương với thuế 5.4. Hạn chế xuất khẩu tự nguyện	CLO1, CLO3, CLO6
[11] [3 tiết]	**Chương 5: Các hình thức hạn chế mậu dịch khác và đàm phán mậu dịch đa phương(tiếp theo)** 5.5. Cartels quốc tế 5.6. Rào cản kỹ thuật 5.7. Bán phá giá 5.8. Trợ cấp xuất khẩu 5.9. Các biện pháp có liên quan đến DN Bài tập nhóm Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	**Chương 6: Liên kết kinh tế - liên hiệp quan thuế** 6.1 Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế 6.2 Phân tích bằng cục bộ sự tác động của một liên hiệp quan thuế - Lý thuyết tốt nhất hạng hai 6.3 Các điều kiện làm gia tăng hiệu quả phúc lợi của một liên hiệp quan thuế.	CLO2, CLO3, CLO6
[13] [3 tiết]	**Chương 6: Liên kết kinh tế - liên hiệp quan thuế(tiếp theo)** 6.4 Các lợi ích tĩnh khác và lợi ích động của một liên hiệp quan thuế.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

	6.5 Quá trình hình thành và phát triển một số hình thức liên kết kinh tế quốc tế. Bài tập nhóm phân tích quá trình tham gia của Việt Nam vào một số liên kết quốc tế.	
[14] [3 tiết]	**Chương 7: Sự di chuyển nguồn lực quốc tế** 7.1 Sự di chuyển tư bản quốc tế Bài tập: Phân tích tình huống theo nhóm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[15] [3 tiết]	**Chương 7: Sự di chuyển nguồn lực quốc tế (tiếp theo)** 7.2 Sự di chuyển lao động quốc tế Bài tập: Phân tích một tình huống theo nhóm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	***Quá trình*** [1]					***30%***
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Trong từng buổi học	CLO5	5%	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%	
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2 CLO6	5%	20%

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

	Bài tập tại lớp	Sinh viên tích cực tham gia giải bài tập; trao đổi với nhóm, thực hiện các bài tập theo nhóm mà giảng viên yêu cầu	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	5%	
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 5-6)	CLO1, CLO3	10%	
2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hằng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.		*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lemykim@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0355082864

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đào Vũ Phương Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: daovuphuonglinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977934093

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trần Lê Diệu Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranledieulinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988757516

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định

Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Lê Mỹ Kim	TS.Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

67. [1140040] Kinh tế và chính sách phát triển vùng: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÙNG
Mã học phần: 1140040
Tên tiếng Anh: REGIONAL DEVELOPMENT ECONOMICS AND POLICY

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế và chính sách phát triển vùng
- Mã học phần: 1140040 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế phát triển 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 12 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức phát triển vùng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế cũng như các công cụ phát triển kinh tế địa phương. Học phần giúp sinh viên phân tích, đánh giá thực trạng, tiềm năm phát triển kinh tế vùng/địa phương, phân tích thực trạng các vùng kinh tế trọng điểm và xác định quy trình và đưa ra chính sách marketing địa phương vùng/lãnh thổ.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học và kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để đánh giá chính sách tăng trưởng và phát triển kinh tế của từng địa phương, vùng, lãnh thổ.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về vùng kinh tế như khái niệm, phân loại, đặc điểm của vùng kinh tế, các thước đo phát triển vùng kinh tế, xác

định tiêu chí vùng kinh tế trọng điểm.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về phân tích chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế, phương pháp phân tích SWOT cho vùng và phân tích chính sách phát triển vùng.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xác định, nhận dạng và đánh giá các vấn đề kinh tế của địa phương.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm; giải quyết linh hoạt tình huống đặt ra.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; hoàn thành các tình huống thực tế được giao.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Giải thích cơ cấu vùng kinh tế, thước đo phát triển vùng, tiêu chí xác định vùng kinh tế trọng điểm, đặc điểm marketing địa phương.	PLO3	M
CO2	CLO2	Phân tích SWOT kinh tế vùng/địa phương, phân tích chính sách marketing địa phương vùng, lãnh thổ, phân tích các chính sách phát triển vùng.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Giải quyết các vấn đề kinh tế địa phương, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế địa phương.	PLO4	M
CO4	CLO4	Thể hiện được khả năng làm việc theo nhóm.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M

CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Tiến Dũng, *Giáo trình Kinh tế và chính sách phát triển vùng*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, (2015).
Tài liệu tham khảo thêm:	Lê Thu Hoa, *Kinh tế vùng ở Việt Nam từ lý luận đến thực tiễn*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, (2007). Lê Bá Thảo, *Việt Nam – Lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, (2001).
Các loại học liệu khác:	http://vids.mpi.gov.vn; http://irrd.gov.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về vùng kinh tế và chính sách phát triển vùng** 1.1. Vùng kinh tế 1.2. Các thước đo phát triển kinh tế vùng 1.3. Chính sách phát triển vùng	CLO1

[2] [3 tiết]	**Chương 2: Chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế** 2.1. Cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế 2.2. Một số mô hình lý thuyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế	CLO1
[3] [3 tiết]	**Chương 2: Chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế (tiếp theo)** 2.3. Nhân tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế 2.4. Cơ cấu kinh tế lãnh thổ hợp lý	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	**Chương 3: Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam** 5.1. Tiêu chí xác định vùng kinh tế trọng điểm 5.2. Tác động của các vùng kinh tế trọng điểm và mối quan hệ với các vùng khác 5.3. Hiện trạng phát triển và cơ cấu kinh tế các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	**Chương 4: Phát triển kinh tế vùng/địa phương** 3.1. Quá trình phát triển kinh tế vùng/địa phương 3.2. Chiến lược phát triển kinh tế vùng/địa phương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	**Chương 4: Phát triển kinh tế vùng/địa phương (tiếp theo)** 3.3. Phân tích, đánh giá thực trạng, tiềm năng phát triển kinh tế vùng/địa phương 3.4. Xây dựng ma trận SWOT địa phương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	**Chương 5: Chính sách marketing địa phương vùng/lãnh thổ** 4.1. Khái niệm marketing địa phương 4.2. Đối tượng marketing địa phương 4.3. Công cụ marketing địa phương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	**Chương 5: Chính sách marketing vùng (tiếp theo)** 4.3. Công cụ marketing địa phương 4.4. Quy trình marketing địa phương 4.5. Chính sách định vị địa phương vùng/lãnh thổ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	*Quá trình* [1]				*30%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên chia thành các nhóm khác nhau làm bài tập nhóm theo chủ đề của giảng viên đưa ra. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng tiêu chí hoặc yêu cầu của giảng viên.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	20%
2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenthithuydung@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0944.845.933

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithanhbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

	giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

68. [1140149] Chiến lược và kế hoạch kinh doanh: 2 tín chỉ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH
Mã học phần: 1140149
Tên tiếng Anh: STRATEGIC AND BUSINESS PLANS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Chiến lược và kế hoạch kinh doanh
- Mã học phần: 1140149 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 2 và Tài chính doanh nghiệp
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp:
  + Thảo luận: 12 tiết
  + Thực hành, thực tập:
  + Hoạt động theo nhóm:
  + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng chiến lược và lập kế hoạch cho công ty. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể phân tích mô hình quản trị chiến lược tổng quát, hệ thống các cách thức đánh giá và phân tích các chiến lược để phối hợp với các bộ phận khác nhau trong công ty lập được chiến lược và kế hoạch hàng năm của công ty.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính doanh nghiệp học phần sẽ giúp phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, kỹ năng quản trị sự thay đổi và phát triển tinh thần doanh nghiệp của sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược cấp doanh nghiệp.

+ CO2: Học phần cung cấp công cụ cho sinh viên có thể lập kế hoạch và hoạch định chiến lược cho các bộ phận trong doanh nghiệp cũng như lập các dự án khởi nghiệp.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể xây dựng được quy trình lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp.

+ CO4: Sinh viên có thể lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp, có khả năng quản trị sự thay đổi và phát triển được tinh thần doanh nghiệp.

+ CO5: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng làm việc nhóm để hoạch định các chiến lược cho doanh nghiệp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thảo luận đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO7: Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: 3,10,13 mức M

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được vai trò của việc lập chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Nhận dạng quy trình quản trị chiến lược.	PLO3	M
CO2	CLO2	Xác định các nguyên tắc cơ bản phải tuân thủ khi phân tích và lựa chọn chiến lược	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Sử dụng các công cụ phân tích môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp để hình thành nên chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp.	PLO10	M
CO4	CLO4	Hình thành chiến lược cấp công ty và cấp đơn vị kinh doanh, phù hợp với từng giai đoạn và quy mô phát triển của doanh nghiệp	PLO10	M
CO5	CLO5	Thiết kế quy trình làm việc nhóm để đưa ra các chiến lược cho doanh nghiệp	PLO6	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập thảo	PLO14	M

		luận nhóm đầy đủ theo số giờ quy định		
CO7	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Fred. David, *Khái luận về quản trị chiến lược*, NXB Lao động, (2012).
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Phạm Ngọc Thúy, Phạm Tuấn Cường, Lê Nguyễn Hậu, Tạ Trí Nhân, *Kế hoạch kinh doanh*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, (2008). [2] PGS.TS Nguyễn Thị Liên Diệp, Ths. Phạm Văn Nam, *Chiến lược và Chính sách kinh doanh*. NXB Lao động – Xã hội, (2006). [3] Michcal Porter, *Chiến Lược Cạnh Tranh*. NXB Khoa Học & Kỹ Thuật, (1998). [4] Lê Nguyễn, Akio Morita và Sony – *Kiến tạo nền giải trí tương lai*, PACE & NXB Trẻ, (2007). [5] David H. Bangs, JR, *Hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh*, NXB Thống Kê, (2007).
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)

[1] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về chiến lược và kế hoạch kinh doanh:** 1.1 Khái niệm chiến lược kinh doanh. 1.2 Bản chất của quản trị chiến lược. 1.3 Qui trình quản trị chiến lược.	CLO1
[2] [3 tiết]	**Chương 2: Xác định nhiệm vụ chiến lược của doanh nghiệp.** 2.1 Sứ mạng của doanh nghiệp. 2.2 Tầm nhìn của doanh nghiệp. 2.3 Mục tiêu đề ra cho doanh nghiệp. 2.4 Các giá trị cốt lõi.	CLO1
[3] [3 tiết]	**Chương 3: Phân tích môi trường bên ngoài** 3.1 Bản chất của việc kiểm soát các yếu tố bên ngoài. 3.2 Ảnh hưởng kinh tế. 3.3 Ảnh hưởng xã hội, văn hóa, nhân khẩu và địa lý. 3.4 Các ảnh hưởng luật pháp, chính phủ và chính trị. 3.5 Ảnh hưởng cạnh tranh.	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	**Chương 3: Phân tích môi trường bên ngoài** 3.6 Nguồn thông tin bên ngoài 3.7 Những kỹ thuật và công cụ dự báo. 3.8 Phân tích ngành.	CLO1, CLO2
[6] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm về phân tích môi trường bên ngoài với tình huống cụ thể**	CLO1, CLO2, CLO5. CLO6
[7] [3 tiết]	**Chương 4: Phân tích nội bộ doanh nghiệp** 4.1 Khái niệm 4.2 Phân tích chuỗi giá trị	CLO1, CLO2
[8] [3 tiết]	**Chương 4: Phân tích nội bộ doanh nghiệp** 4.3 Phân tích các yếu tố hoạt động của doanh nghiệp. 4.4 Lượng giá các yếu tố nội bộ	CLO1, CLO2
[9] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm về phân tích môi trường nội bộ với tình huống cụ thể**	CLO1, CLO2, CLO5. CLO6
[10] [3 tiết]	**Chương 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược** 5.1 Các nguyên tắc cơ bản khi phân tích và lựa chọn chiến lược 5.2 Phân tích SWOT 5.3 Ma trận Porter	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.
[11] [3 tiết]	**Chương 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược** 5.4 Ma trận BCG 5.5 Ma trận GE	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
[12] [3 tiết]	**Chương 6: Chiến lược cấp công ty** 6.1 Chiến lược cấp công ty là gì? 6.2 Vai trò của chiến lược cấp công ty.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	6.3 Các loại chiến lược cấp công ty:	
[13] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm về thiết lập chiến lược cho doanh nghiệp cụ thể**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
[14] [3 tiết]	**Chương 7: Quy trình lập kế hoạch kinh doanh** 7.1 Nội dung của một bản kế hoạch kinh doanh 7.2 Quá trình lập một bản kế hoạch kinh doanh 7.3 Tổ chức triển khai việc lập kế hoạch kinh doanh 7.4 Những lưu ý trong cách viết một bản kế hoạch kinh doanh Nộp bài tiểu luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[15] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm về viết một bản kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp** Nộp bài tiểu luận nhóm (theo yêu cầu của giảng viên)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*					*40%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	5%	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%	
	Làm việc nhóm	Có chuẩn bị bài, tích cực tham gia xây dựng bài, trao dổi với nhóm, thực hiện các bài tập theo nhóm mà giảng viên yêu cầu	Bắt đầu từ tuần thứ 2 của môn học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%	30%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài tập nhóm dưới hình thức nộp bài tiểu luận - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng yêu cầu của giảng viên giảng dạy.	Tuần thứ 6 của môn học	CLO1, CLO2, CLO3.	20%	

2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Tuần cuối của học kì (tuần 15)	CLO2, CLO3, CLO4.		*60%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Lê Diệu Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tranledieulinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988757516

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithanhbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974714293

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày .....tháng .....năm 202..

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Trần Lê Diệu Linh	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

69. [1140181] Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KẾ HOẠCH HÓA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Mã học phần: 1140181

Tên tiếng Anh: SOCIAL - ECONOMIC DEVELOPMENT PLANNING

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội
- Mã học phần: 1140181 Số tín chỉ: 2TC
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế phát triển 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về lý luận và phương pháp luận để phân tích kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương hay một quốc gia. Đồng thời, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng để xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vĩ mô 1 và kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế hoạch hóa phát triển và hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về quy trình lập, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch hóa phát triển kinh tế-xã hội cũng như nội dung và phương pháp lập các kế hoạch về kinh tế.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích một kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, đồng thời có kỹ năng lập, giám sát và đánh quá trình thực hiện kế hoạch hóa phát triển kinh tế-xã hội.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng lập các kế hoạch về kinh tế như kế hoạch tăng trưởng, kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch lao động và việc làm.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

IIọc phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích dược kế hoạch hóa phát triển và hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.	PLO3	M
CO2	CLO2	Áp dụng các kiến thức về quy trình lập, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội cũng như nội dung và phương pháp lập các kế hoạch về kinh tế.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thực hiện việc phân tích một kế hoạch phát triển	PLO9	M

		kinh tế - xã hội cụ thể, đồng thời có kỹ năng lập, giám sát và đánh quá trình thực hiện kế hoạch hóa phát triển kinh-tế xã hội cụ thể.		
CO4	CLO4	Thực hiện việc lập các kế hoạch về kinh tế như kế hoạch tăng trưởng, kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch lao động và việc làm.	PLO10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO6	CLO6	Hình thành khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	PGS. TS. Ngô Thắng Lợi, *Giáo trình Kế hoạch hóa phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2019).
Tài liệu tham khảo thêm:	Bộ KH&ĐT, *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020*, (2016). Bộ KH&ĐT, *Bàn về công tác KHH ở nước ta trong thời kỳ mới*, (2008). Bộ KH&ĐT, *Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phát triển kinh tế địa phương 5 năm và hàng năm theo phương pháp mới*, (2013).
Các loại học liệu khác:	www.mpi.gov.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được

Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	**Chương 1.** Nhập môn kế hoạch hóa phát triển 1.1. Những khái niệm cơ bản liên quan đến kế hoạch hóa phát triển 1.2. Lịch sử kế hoạch hóa ở các nước trên thế giới 1.3. Kế hoạch hóa ở Việt Nam 1.4. Đối tượng, phạm vi, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học	CLO1, CLO3, CLO6
[2] [2 tiết]	**Chương 2. Kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường** 2.1. Cơ sở lý luận của kế hoạch hóa phát triển trong nền kinh tế thị trường 2.2. Bản chất của kế hoạch hóa 2.3. Chức năng của kế hoạch hóa phát triển 2.4. Nguyên tắc của kế hoạch hóa phát triển	CLO1, CLO3, CLO6
[3] [2 tiết]	**Chương 3. Hệ thống Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội** 3.1. Hệ thống kế hoạch hóa theo nội dung 3.2. Tổ chức bộ máy kế hoạch hóa ở Việt Nam	CLO1, CLO3, CLO6
[4] [2 tiết]	**Chương 4. Quy trình lập Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội**	CLO2, CLO3, CLO6

	4.1. Phân tích tiềm năng thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 4.2. Xác định mục tiêu và chỉ tiêu	
[5] [2 tiết]	**Chương 4. Quy trình lập Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội (tiếp theo)** 4.3. Xác định các cân đối vĩ mô chủ yếu 4.4. Các giải pháp thực hiện.	CLO2, CLO3, CLO6
[6] [2 tiết]	**Chương 4. Quy trình lập Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội (tiếp theo)** 4.5. Kế hoạch năm năm	CLO2, CLO3, CLO6
[7] [2 tiết]	**Chương 5. Kế hoạch tăng trưởng kinh tế** 5.1. Tăng trưởng kinh tế và ý nghĩa của kế hoạch hóa tăng trưởng kinh tế 5.2. Nội dung và phương pháp lập kế hoạch tăng tưởng kinh tế.	CLO2, CLO4, CLO6
[8] [2 tiết]	**Chương 5. Kế hoạch tăng trưởng kinh tế (tiếp theo)** 5.3. Phương pháp lập kế hoạch theo mô hình tăng trưởng – đầu tư Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	**Chương 5. Kế hoạch tăng trưởng kinh tế (tiếp theo)** 5.4. Xác định chỉ tiêu tăng trưởng kỳ kế hoạch Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	**Chương 6: Kế hoạch vốn đầu tư** 6.1. Vốn đầu tư, phân loại vốn đầu tư 6.2. Kế hoạch khối lượng vốn đầu tư Kiểm tra giữa kỳ	CLO2, CLO4, CLO6
[11] [2 tiết]	**Chương 6: Kế hoạch vốn đầu tư (tiếp theo)** 6.3. Nội dung và phương pháp lập kế hoạch khối lượng vốn đầu tư Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [2 tiết]	**Chương 6: Kế hoạch vốn đầu tư (tiếp theo)** 6.4. Các chính sách vĩ mô nhằm tăng cường thu hút tiết kiệm trong nước vào đầu tư	CLO2, CLO4, CLO6
[13] [2 tiết]	**Chương 7: Kế hoạch lao động và việc làm** 7.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của kế hoạch lao động và việc làm 7.2. Các cơ quan tham giao lập kế hoạch lao động và việc làm	CLO2, CLO4, CLO6

[14] [2 tiết]	**Chương 7: Kế hoạch lao động và việc làm (tiếp theo)** 7.3. Nội dung và phương pháp lập kế hoạch lao động và việc làm Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	**Chương 7: Kế hoạch lao động và việc làm (tiếp theo)** 7.4. Các chính sách vĩ mô nhằm khai thác, huy động và sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động.	CLO2, CLO4, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình* [1]					*30%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	5%	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%	
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	5%	20%

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

		giảng viên.				
	Bài kiểm tra tại lớp	Sinh viên 2 làm bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). Nội dung từ chương 1 đến chương 4. - Tiêu chí đánh giá: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Tuần thứ 10-12			
		Bài kiểm tra 1: Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định.	Kết thúc chương 4	CLO1, CLO3	10%	
		Bài kiểm tra 2: Bài tập liên quan đến các kế hoạch	Kết thúc chương 7	CLO2, CLO4	5%	
2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ	CLO1, CLO2		*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lemykim@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0355082864

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Ngô Thị Thanh Thúy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: ngothithanhthuy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985.677.540

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp

Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Lê Mỹ Kim	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

70. [1140146] Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu: 3 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: DỰ BÁO KINH TẾ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU
Mã học phần: 1140146
Tên tiếng Anh: ECONOMIC FORECASTING AND DATA ANALYSIS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu
- Mã học phần: 1140146 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế lượng
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 9 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch- đầu tư, quản lý.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của dự báo và phân tích dữ liệu.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số mô hình thống kê thông dụng trong sử dụng phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội.

- Kỹ năng

+ CO3: Kỹ năng làm việc nhóm thông qua bài tiểu luận, bài tập trên lớp.

+ CO4: Sau khi học xong học phần sinh viên biết cách sử dụng các phần mềm (Excel,

Eviews) trên máy tính hỗ trợ việc xử lý dữ liệu và dự báo kinh tế.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Sinh viên giải thích được được đối tượng, phương pháp và quy trình dự báo định lượng, mức độ sai số của dự báo; dữ liệu chuỗi thời gian và chất lượng của dữ liệu dùng để dự báo	PLO1	M
CO2	CLO2	Sinh viên diễn giải được các mô hình dự báo như: mô hình dự báo giản đơn, mô hình dự báo bằng hàm hồi quy và hàm xu thế, mô hình dự báo ARIMA và quy trình dự báo Box-Jenkin.	PLO3	M
	CLO3	Sinh viên diễn giải được các mô hình dự báo VAR, kiểm định nhân quả Granger và mô hình dự báo VECM.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Sinh viên thể hiện được khả năng làm việc nhóm trong công việc.	PLO6	L
CO4	CLO5	Sinh viên có khả năng sử dụng thành thục phần mềm hỗ trợ xử lý dữ liệu và ước lượng các mô hình dự báo.	PLO8	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO6	Cho thấy sự tham gia đầy	PLO14	M

		đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và các buổi thực hành theo số giờ quy định.		
CO6	CLO7	Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.	PLO13	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy, *Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính,* NXB Thống kê, (2009).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh, *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2012). 2. Nguyễn Duy Thục (Chủ biên), *Bài tập kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews 6*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, (2015).
Các loại học liệu khác:	www.gso.gov.vn; www.forecasts.org

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán dự báo.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất mô hình dự báo	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách đề xuất mô hình và phương pháp dự báo hợp lý	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)

[1] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan vai trò của dự báo kinh tế** 1.1 Dự báo và cai trò của dự báo kinh tế 1.2 Phân loại dự báo 1.3 Quy trình thực hiện dự báo định lượng 1.4 Độ chính xác của dự báo	CLO1
[2] [3 tiết]	**Chương 2: Phân tích dữ liệu và lựa chọn mô hình** 2.1 Chất lượng dữ liệu 2.2 Cấu thành của một chuỗi thời gian 2.3 Tự tương quan và giản đồ tự tương quan. 2.4 Hệ số tự tương quan và nhận dạng dữ liệu	CLO1
[3] [3 tiết]	**Chương 2: Phân tích dữ liệu và lựa chọn mô hình (tiếp theo)** 2.5 Lựa chọn mô hình dự báo 2.6 Xác định độ chính xác của mô hình dự báo 2.7 Thực hành trên Eviews	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[4] [3 tiết]	**Chương 3: Các mô hình dự báo giản đơn** 3.1 Phương pháp dự báo thô 3.2 Phương pháp dự báo trung bình	CLO1
[5] [3 tiết]	**Chương 3: Các mô hình dự báo giản đơn (tiếp theo)** 3.3 Phương pháp san mũ 3.4 Thực hành trên Eviews	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[6] [3 tiết]	**Chương 4: Dự báo bằng phương pháp phân tích** 4.1 Các thành phần của chuỗi thời gian 4.2 Dự báo với mô hình nhân 4.3 Dự báo với mô hình cộng 4.4 Kiểm định tính mùa vụ	CLO1
[7] [3 tiết]	**Chương 5: Dự báo bằng các mô hình xu thế** 5.1 Tóm lược lý thuyết. 5.2 Dự báo bằng hàm xu thế bậc nhất, bậc hai 5.3 Dự báo bằng hàm tăng trưởng mũ 5.4 Thực hành trên Eviews	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[8] [3 tiết]	**Chương 6: Dự báo bằng phân tích hồi quy** 6.1 Mô hình hồi quy 6.2 Các khuyết tật của mô hình 6.3 Biến giả 6.4 Dự báo ưu tiên qua hệ số hồi quy chuẩn hóa 6.5 Ứng dụng dự báo 6.6 Thực hành trên Eviews	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[9]	**Chương 7: Mô hình ARIMA**	CLO2, CLO3, CLO4,

[3 tiết]	7.1 Giới thiệu tổng quan các mô hình ARIMA 7.2 Tính dừng 7.3 Kiểm định tính dừng 7.4 Thực hành trên Eviews	CLO5
[10] [3 tiết]	**Chương 7: Mô hình ARIMA (tiếp theo)** 7.5 Mô hình AR 7.6 Mô hình MA 7.7 Mô hình ARMA 7.8 Mô hình ARIMA	CLO2
[11] [3 tiết]	**Chương 7: Mô hình ARIMA (tiếp theo)** 7.9 Thực hành dự báo ARIMA trên Eviews	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[12] [3 tiết]	**Chương 8: Các mô hình VAR/VECM** 8.1 Giới thiệu ý tưởng của mô hình VAR/VEC 8.2 Mô hình VAR	CLO3
[13] [3 tiết]	**Chương 8: Các mô hình VAR/VECM (tiếp theo)** 8.3 Kiểm định Granger 8.4 Mô hìnhVECM	CLO3
[14] [3 tiết]	**Chương 8: Các mô hình VAR/VECM (tiếp theo)** 8.5 Thực hành dự báo trên Eviews Bài tập vận dụng	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[15] [3 tiết]	**Ôn tập** **Bài tập + Thực hành dự báo bằng các mô hình trong tình huống cụ thể**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	*5%*	*40%*
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	*5%*	
		Sinh viên làm bài tập ở	Giải tại lớp	CLO1,	*20%*	

		nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	theo các tiết học	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6 CLO7		
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO2 CLO5	*10%*	
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1 CLO2, CLO3,	60%	*60%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email:damdinhmanh@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0961 348 939

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email:ngonumaiquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học

Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Đàm Đình Mạnh	TS. Trương Thị Thanh Phượng	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

71.[1140049] Nguyên lý thống kê kinh tế: 3 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ
Mã học phần: 1140049
Tên tiếng Anh: PRINCIPLES OF ECONOMIC STATISTICS

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Mã học phần: 1140049 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  + Thảo luận:
  + Thực hành, thực tập:
  + Hoạt động theo nhóm:
  + Tự học: 90 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn dề kinh tế - xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thống kê học, các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê.

+ CO2: Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.

- Kỹ năng

+ CO3: Người học có kỹ năngsử dụng phần mềm SPSS trong việc mô tả, xử lý, phân tích và dự báo.

+ CO4: Người học có kỹ năng làm việc nhóm thông qua bài tập về nhà.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Người học tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành theo số giờ quy định.

+ CO6: Người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có năng lực học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTDT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Tóm lược được những nội dung cơ bản về thống kê học, có khả năng diễn đối tượng và phạm vi nghiên cứu của thống kê; có khả năng xác định được cách phân tổ thống kê, có khả năng diễn giải được các tham số đặc trưng trong nghên cứu thống kê; giải thích được ý nghĩa của việc sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của các chỉ tiêu.	PLO1	L
CO2	CLO2	Có khả năng nêu ví dụ và nhận biết được đối với các kiến thức về phân tích tương quan và hồi quy, dãy số thời gian và dự.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS trong việc mô tả, xử lý, phân tích và dự báo.	PLO8	M
CO4	CLO4	Đánh giá được các công việc trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý	PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Có khả năng tự học, tự nghiên cứuvà	PLO13	M

		diễn giải các mối quan hệ kinh tế - xã hội.		
CO6	CLO6	Người học tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Hoàng Khắc Lịch (Chủ biên), Cao Tấn Bình, Nguyễn Thế Kiên, Trương Thị Thanh Phượng, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, (2020).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Trần Thị Kim Thu, *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2013). 2. Hà Văn Sơn, *Giáo trình Nguyên lý thống kê*, NXB Thống Kê, (2010).
Các loại học liệu khác:	www.gso.gov.vn, https://databank.worldbank.org

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về Thống kê học** 1.1. Khái niệm thống kê học 1.2. Một số khái niệm thường dùng 1.3. Các loại thang đo trong thống kê	CLO1, CLO2
[2] [3 tiết]	**Chương 2: Thu thập dữ liệu thống kê** 2.1. Những lưu ý về thu thập dữ liệu trong thống kê 2.2. Phân loại số liệu 2.3. Các phương pháp thu thập dữ liệu ban đầu	CLO1, CLO2

[3] [3 tiết]	**Chương 2: Thu thập dữ liệu thống kê (tiếp theo)** 2.4. Mã hoá và định danh dữ liệu thống kê 2.5. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	**Chương 3: Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê** 3.1. Phân tổ thống kê 3.2. Bảng thống kê 3.3. Đồ thị thống kê 3.4. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	**Chương 4: Đo lường các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội** 4.1. Số tuyệt đối 4.2. Số tương đối 4.3. Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[6] [3 tiết]	**Chương 4: Đo lường các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội (tiếp theo)** 4.4. Các đặc trưng đo lường mức độ phân tán 4.5. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	**Chương 5: Điều tra chọn mẫu** 5.1. Giới thiệu chung về điều tra chọn mẫu 5.2. Các giai đoạn của điều tra chọn mẫu 5.3. Sai số chọn mẫu 5.4. Một số phương pháp tổ chức chọn mẫu ngẫu nhiên thường dùng	CLO1, CLO2
[8] [3 tiết]	**Chương 6: Phân tích hồi quy và tương quan** 6.1. Mối liên hệ tương quan và nhiệm vụ phân tích hồi quy 6.2. Hồi quy và tương quan tuyến tính giữa hai tiêu thức số lượng 6.3. Hồi quy và tương quan phi tuyến giữa hai tiêu thức số lượng 6.4. Tương quan hạng và tương quan giữa hai tiêu thức thuộc tính 6.5. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	**Chương 7: Dãy số thời gian** 7.1. Khái niệm và phân loại dãy số thời gian 7.2. Các yếu tố của dãy số thời gian 7.3. Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian 7.4. Các phương pháp biểu hiện xu hướng biến động của	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	dãy số thời gian	
[10] [3 tiết]	**Chương 7: Dãy số thời gian (tiếp theo)** 7.5. Các phương pháp dự báo biến động của dãy số thời gian 7.6. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	**Chương 8: Phương pháp chỉ số** 8.1. Khái niệm chỉ số thống kê, ý nghĩa của phương pháp chỉ số 8.2. Các loại chỉ số trong thống kê	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[12] [3 tiết]	**Chương 8: Phương pháp chỉ số (tiếp theo)** 8.3. Hệ thống chỉ số Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	**Chương 8: Phương pháp chỉ số (tiếp theo)** 8.4. Một số chỉ số thông dụng ở Việt Nam	CLO1
[14] [3 tiết]	**Chương 9: Thực hành thống kê với SPSS** 9.1. Giới thiệu SPSS 9.2. Thực hành thống kê mô tả trên SPSS	CLO1, CLO2
[15] [3 tiết]	**Chương 9: Thực hành thống kê với SPSS (tiếp theo)** 9.3. Thực hiện các kiểm định trên SPSS 9.4. Bài tập vận dụng trên SPSS	CLO1, CLO2, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5, CLO6	*5%*	**30%**
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	*5%*	

		- Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	*10%*	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết hoặc thực hành. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO3, CLO4	*10%*	
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3,CLO4	*70%*	**70%**
	Tổng					**100%**

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: damdinhmanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934 808 705

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phượng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định

Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Cao Tấn Bình	TS. Trương Thị Thanh Phượng	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

72 [1140033] Kinh tế lượng: 3 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KINH TẾ LƯỢNG
Mã học phần: 1140033
Tên tiếng Anh: ECONOMETRICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế lượng
- Mã học phần: 1140033 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 12 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy - một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.

- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình kinh tế lượng và ứng dụng của nó trong việc diễn giải các mối quan hệ kinh tế và xã hội.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xây dựng, ước lượng và kiểm định một mô hình kinh tế lượng.

- Kỹ năng

+ CO3: Kỹ năng làm việc nhóm thông qua bài tiểu luận, bài tập trên lớp.

+ CO4: Kỹ năng sử dụng phần mềm trong phân tích dữ liệu.

+ CO5: Sinh viên có khả năng đánh giá được các công việc trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Sinh viên giải thích được những vấn đề cơ bản trong một mô hình kinh tế lượng	PLO1	M
	CLO2	Sinh viên có thể diễn giải các mối quan hệ kinh tế và xã hội thông qua mô hình kinh tế lượng	PLO1	M
CO2	CLO3	Sinh viên diễn giải được các quy trình xây dựng, ước lượng và kiểm định mô hình kinh tế lượng.	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Sinh viên thể hiện được khả năng làm việc nhóm trong công việc.	PLO6	L
CO4	CLO5	Sinh viên có khả năng sử dụng thành thục phần mềm hỗ trợ cho việc ước lượng và kiểm định mô hình kinh tế lượng.	PLO8	M
CO5	CLO6	Đánh giá được các công việc trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý	PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO7	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Vũ Thiếu, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh, *Kinh tế lượng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, (1996).

Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bộ môn Toán kinh tế, *Bài giảng Kinh tế lượng*. 2. Nguyễn Duy Thục (Chủ biên), *Bài tập kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews6*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, (2015).
Các loại học liệu khác:	Phần mềm Eviews 9.0

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất mô hình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách đề xuất mô hình hợp lý và kiểm tra các khuyết tật của mô hình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR học phần (3)
|1| |3 tiết|	**Chương 1: Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến** 1.1. Mô hình và một số khái niệm 1.2. Phương pháp ước lượng OLS	CLO1
|2| |3 tiết|	**Chương 1. Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến (tiếp theo)** 1.3. Tính không chệch và độ chính xác của ước lượng OLS 1.4. Độ phù hợp của hàm hồi quy 1.5. Một số vấn đề bổ sung	CLO1
|3| |3 tiết|	**Chương 2. Mô hình hồi quy bội** 2.1. Sự cần thiết của mô hình hồi quy bội 2.2. Mô hình hồi quy bội và phương pháp ước lượng OLS 2.3. Một số dạng của mô hình hồi quy 2.4. Tính vững của ước lượng OLS 2.5. Mô hình hồi quy sử dụng ngôn ngữ ma trận	CLO1 CLO2
|4| |3 tiết|	**Chương 2. Mô hình hồi quy bội (tiếp theo)** **Bài tập**	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6

	Xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính, tính toán được các hệ số ước lượng và hệ số xác định, xét dấu các hệ số hồi quy. Nêu ý nghĩa của các hệ số hồi quy và hệ số xác định.	CLO7
[5] [3 tiết]	**Chương 3: Suy diễn thống kê và dự báo từ mô hình hồi quy** 3.1. Quy luật phân phối xác suất của một số thống kê mẫu 3.2. Khoảng tin cậy cho các hệ số hồi quy	CLO1, CLO2, CLO7
[6] [3 tiết]	**Chương 3. Suy diễn thống kê và dự báo từ mô hình hồi quy (tiếp theo)** 3.3. Kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy 3.4. Một số kiểm định khác 3.5. Dự báo giá trị biến phụ thuộc và sai số dự báo	CLO1, CLO2, CLO7
[7] [3 tiết]	**Chương 3. Suy diễn thống kê và dự báo từ mô hình hồi quy (tiếp theo)** **Bài tập** Kiểm định và ước lượng các hệ số hồi quy, kiểm định sự phù hợp của mô hình, đánh giá sự phù hợp về dấu của các hệ số hồi quy. Tính toán các hệ số ước lượng.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6 CLO7
[8] [3 tiết]	**Chương 4. Phân tích hồi quy với biến định tính** 4.1. Khái niệm biến giả 4.2. Mô hình có chứa biến độc lập là biến định tính 4.3. Mô hình với biến giả và biến tương tác 4.4. Một vài ứng dụng của biến giả	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7
[9] [3 tiết]	**Chương 4. Phân tích hồi quy với biến định tính** **Bài tập** Xây dựng mô hình có biến giả, kiểm định và ước lượng mô hình, lựa chọn mô hình.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 CLO6, CLO7
[10] [3 tiết]	**Chương 5. Kiểm định và lựa chọn mô hình** 5.1. Kì vọng của sai số ngẫu nhiên khác không 5.2. Phương sai sai số thay đổi 5.3. Sai số ngẫu nhiên không tuân theo quy luật chuẩn	CLO3, CLO5, CLO7
[11] [3 tiết]	**Chương 5. Kiểm định và lựa chọn mô hình (tiếp theo)** 5.4. Vấn đề đa cộng tuyến 5.5. Mô hình chứa biến không thích hợp Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO3, CLO5, CLO7
[12] [3 tiết]	**Chương 6. Mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian** 6.1. Số liệu chuỗi thời gian - một số khái niệm 6.2. Mô hình hồi quy với chuỗi thời gian 6.3. Một số mô hình hồi quy chuỗi thời gian cơ bản 6.4. Tính chất mẫu lớn của ước lượng OLS	CLO3, CLO5, CLO7

[13] [3 tiết]	**Chương 7. Vấn đề tự tương quan trong mô hình hồi quy chuỗi thời gian** 7.1. Hậu quả của tự tương quan trong mô hình hồi quy 7.2. Phát hiện tự tương quan 7.3. Khắc phục khi có tự tương quan	CLO3, CLO5, CLO7
[14] [3 tiết]	**Bài thực hành số 1**	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[15] [3 tiết]	**Bài thực hành số 1 (tiếp theo)**	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[16] [3 tiết]	**Bài thực hành số 2**	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[17] [3 tiết]	**Bài thực hành số 2 (tiếp theo)**	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO7	5%	*40%*
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%	
		Bài kiểm tra tại lớp: Người học làm bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). Nội dung từ chương 1 đến chương 4. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: Đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Tuần thứ 10-12	CLO1 CLO2	10%	
		Bài thực hành: Người học làm bài thực hành	Tuần cuối	CLO1	20%	

		trực tiếp trên máy tính hoặc làm một bài tiểu luận theo các nội dung yêu cầu của giảng viên. Tiêu chí đánh giá: đảm bảo thời gian, đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên.		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7		
2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ	CLO1 CLO2 CLO3	60%	*60%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Mạnh Hùng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email:hoangmanhhung@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0964 136 839

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: damdinhmanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934 808 705

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: ngonumaiquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phượng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Lê Thy Hà Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethyhavan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0988 360 678

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp, tham gia đầy đủ các buổi thực hành
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ. Tích cực làm bài tập trên lớp được cộng điểm vào bài thi giữa kỳ tùy theo mức độ
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Hoàng Mạnh Hùng	TS. Trương Thị Thanh Phượng	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

73. [1140151] Kế toán dự án đầu tư: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KẾ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Mã học phần: 1140151
Tên tiếng Anh: INVESTMENT PROJECT ACCOUNTING

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kế toán dự án đầu tư
- Mã học phần: 1140151 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức cơ sở ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư và dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán xây lắp, kế toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự

án đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức kế toán trong các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Liệt kê được những nét tổng quan nhất về dự án đầu tư xây dựng cơ bản và đặc thù nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.	PLO3	L
CO2	CLO2	Áp dụng kiến thức giải quyết các nghiệp vụ kế toán có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Đề xuất giải pháp liên quan đến dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO5	CLO5	Thực hiện tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Thị Hòa, Giáo trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp, NXB Tài chính, năm 2010. 2. Nguyễn Ngọc Tiến, Phạm Nguyễn Đình Tuấn, Bài giảng Kế toán dự án đầu tư, Trường Đại học Quy Nhơn, năm 2017.
Tài liệu tham khảo thêm:	Thông tư 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư Thông tư 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vacpa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logisc.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về đầu tư và các dự án đầu tư** 1.1. Khái niệm đầu tư và dự án đầu tư 1.2. Một số đặc điểm đầu tư ảnh hưởng đến công tác kế toán Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2
[2] [3 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về đầu tư và các dự án đầu tư (tiếp theo)** 1.3. Đặc điểm của các dự án đầu tư Bài tập về nhà: Sinh viên tìm hiểu thực tế các tình huống kế toán liên quan hoạt động đầu tư dự án xây dựng cơ bản	CLO1, CLO2

[3] [3 tiết]	**Chương 2: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp** 2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp 2.2. Hợp đồng xây dựng trong đơn vị kinh doanh xây lắp Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[4] [3 tiết]	**Chương 2: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp (tiếp theo)** 2.3. Các qui định kế toán chi phí, doanh thu hợp đồng xây dựng trong kinh doanh xây lắp 2.4. Kế toán chi phí sản xuất, doanh thu hợp đồng xây dựng Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5] [3 tiết]	**Chương 2: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp (tiếp theo)** 2.4. Kế toán chi phí sản xuất, doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo) Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [3 tiết]	**Chương 2: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp (tiếp theo)** 2.4. Kế toán chi phí sản xuất, doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo) Bài tập vận dụng: Sinh viên vận dụng kiến thức giải quyết các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[7] [3 tiết]	**Chương 2: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp (tiếp theo)** 2.4. Kế toán chi phí sản xuất, doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo) Bài tập vận dụng: Sinh viên vận dụng kiến thức giải quyết các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[8] [3 tiết]	**Chương 3: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư** 3.1. Tiến trình đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư 3.2. Các phương thức đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[9] [3 tiết]	**Chương 3: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo)** 3.3. Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

[10] [3 tiết]	**Chương 3: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo)** 3.3. Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo) Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[11] [3 tiết]	**Chương 3: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo)** 3.3. Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo) Bài tập vận dụng: Sinh viên vận dụng kiến thức giải quyết các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị chủ đầu tư.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[12] [3 tiết]	**Chương 3: Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản tại đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo)** 3.3. Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản ở đơn vị chủ đầu tư (tiếp theo) Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[13] [3 tiết]	**Chương 4: Kế toán đầu tư xây dựng tại các ban quản lý dự án** 4.1. Đặc điểm các ban quản lý dự án và công tác kế toán 4.2. Kế toán tại các ban quản lý dự án Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[14] [3 tiết]	**Chương 4: Kế toán đầu tư xây dựng tại các ban quản lý dự án (tiếp theo)** 4.2. Kế toán tại các ban quản lý dự án (tiếp theo) Ví dụ minh họa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[15] [3 tiết]	**Chương 4: Kế toán đầu tư xây dựng tại các ban quản lý dự án (tiếp theo)** 4.2. Kế toán tại các ban quản lý dự án (tiếp theo) Bài tập vận dụng: Sinh viên vận dụng kiến thức giải quyết các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị chủ đầu tư.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*					*30%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO4	5%	*10%*

		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO4	5%	
	Bài tập/Bài kiểm tra					*20%*
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5		4%
	Bài kiểm tra tại lớp	Sinh viên làm 3 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa các chương			6%
		Bài kiểm tra 1: Kế toán tại đơn vị kinh doanh xây lắp	Kết thúc chương 2	CLO2, CLO3	2%	
		Bài kiểm tra 2: Kế toán tại đơn vị chủ đầu tư	Kết thúc chương 3	CLO2, CLO3	2%	
		Bài kiểm tra 3: Kế toán tại các ban quản lý dự án	Kết thúc chương 4	CLO2, CLO3	2%	
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO2, CLO3		10%
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4		***70%***

						100%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Văn Tân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: levantan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914 430719

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm Nguyễn Đình Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: phamnguyendinhtuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0919 851829

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Phạm Nguyễn Đình Tuấn	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Q. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

74. [1140175] Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH TẾ

Mã học phần: 1140175

Tên tiếng Anh: RESEARCH METHODOLOGY IN ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế
- Mã học phần: 1140175 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn (Kế toán, Kiểm toán), Bắt buộc (Kinh tế)
- Các học phần học trước: Kinh tế phát triển/Kinh tế phát triển 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: tiết
  + Thảo luận: 12 tiết
  + Thực hành, thực tập: ….tiết
  + Hoạt động theo nhóm: …. tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.

Học phần này là học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển/Kinh tế phát triển 1, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học như: nội dung, cách thức và quy trình nghiên cứu

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cách thức tiến hành xây dựng và phát

triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể biết cách sử dụng một số phần mềm xử lý dữ liệu trong nghiên cứu

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm để cùng nhau thực hiện 1 đề tài nghiên cứu

+ CO5: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc tài liệu và kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định;

+ CO7: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các nội dung trong nghiên cứu khoa học như cách thức và quy trình nghiên cứu	PLO3	L
CO2	CLO2	Xây dựng được đề cương nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thể hiện khả năng sử dụng phần mềm hỗ trợ xử lý dữ liệu trong nghiên cứu	PLO8	L
CO4	CLO4	Có thể phối hợp thực hiện nghiên cứu với các thành viên trong nhóm	PLO6	M
CO5	CLO5	Thể hiện kỹ năng tổng hợp tài liệu và viết báo cáo nghiên cứu	PLO7	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Tuân thủ các quy định về đạo đức, thời gian học tập và làm bài tập	PLO14	M

CO7	CLO7	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Tiến Khai, *Phương pháp nghiên cứu kinh tế- kiến thức cơ bản*, nhà xuất bản lao động xã hội, (2012)
Tài liệu tham khảo thêm:	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, nhà xuất bản Hồng Đức, (2008) Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, nhà xuất bản lao động xã hội, (2012)
Các loại học liệu khác:	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2,
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Làm việc nhóm	Các nhóm cùng nhau thảo luận và xây dựng một chương trình hoặc một dự án phát triển kinh tế xã hội	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1. Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu** 1.1 Vai trò của nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu 1.2 Các loại hình nghiên cứu khoa học 1.3 Các phương pháp tư duy khoa học 1.4 Quy trình nghiên cứu	CLO1

[2] [3 tiết]	**Chương 2. Mô tả vấn đề nghiên cứu** 2.1 Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2 Xác định mục tiêu nghiên cứu 2.3 Xác định câu hỏi nghiên cứu 2.4. Đánh giá vấn đề nghiên cứu	CLO1, CLO2
[3] [3 tiết]	**Chương 3. Xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết** 3.1. Giới thiệu về tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết 3.2. Vai trò của tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	**Chương 3. Xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết (tiếp theo)** 3.3. Chiến lược khai thác thông tin dữ liệu 3.4. Các bước xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết 3.5. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[5] [3 tiết]	**Chương 4. Phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý số liệu** 4.1. Các nguồn dữ liệu 4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp	CLO1, CLO2
[6] [3 tiết]	**Chương 4. Phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý số liệu (tiếp theo)** 4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp (tiếp theo) 4.3. Tổ chức điều tra khảo sát	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[7] [3 tiết]	**Chương 4. Phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý số liệu (tiếp theo)** 4.3. Tổ chức điều tra khảo sát (tiếp theo) 4.4. Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[8] [3 tiết]	**Chương 5 Viết đề cương và báo cáo nghiên cứu** 5.1. Nội dung của đề cương nghiên cứu 5.2. Trình bày ý tưởng chủ đạo 5.3. Sắp xếp ý tưởng 5.4. Cách viết một đoạn văn hiệu quả	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[9] [3 tiết]	**Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

[10] [3 tiết]	**Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[11] [3 tiết]	**Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[12] [3 tiết]	**Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

**** Thang điểm đánh giá:***

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

**** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình*** [1]				***50%***
	Chuyên cần	Thực hiện tốt nội quy lớp học: đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực đóng góp xây dựng bài và các hoạt động khác	Trong từng buổi học	CLO6, CLO7	10%
	Bài báo cáo nhóm	* Mỗi nhóm sẽ thực hiện một báo cáo theo yêu cầu của giảng viên. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: đúng nội dung, hình thức theo yêu cầu của giảng viên.	Giữa học kỳ (tuần thứ 9 – 10)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	40%
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6, CLO7	***50%***

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Sử Thị Thu Hằng

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: suthithuhang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0773325725

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đào Vũ Phương Linh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: daovuphuonglinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0977934093

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 01 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Sử Thị Thu Hằng	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

75. [1130144] Luật đầu tư: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA LLCT – LUẬT & QLNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: LUẬT ĐẦU TƯ
Mã học phần: 1130144
Tên tiếng Anh: LAW ON INVESTMENT

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Luật Đầu tư
- Mã học phần: 1130144 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Sinh viên phải có giáo trình và văn bản quy phạm pháp luật
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  + Thảo luận: …. tiết
  + Thực hành, thực tập: ….tiết
  + Hoạt động theo nhóm: …. tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức khá toàn diện về chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh. Nội dung chương trình học phần Luật Đầu tư trang bị cho người học những quy định pháp luật của Nhà nước ta về bảo đảm đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, các hình thức đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có thể vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Hiểu biết về tính chất của hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường và biết cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư;

+ CO2: Trình bày được các quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, xác định được các đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó;

+ CO3: Hiểu rõ quy định về các hình thức đầu tư tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài.

- *Kỹ năng*

+ CO4: Kỹ năng tìm kiếm và đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật;

+ CO5: Có khả năng phân tích các tình huống pháp lý thực tiễn nói chung và trong đầu tư nói riêng, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.

+ CO6: Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi

- *Mức tự chủ và trách nhiệm:*

+ CO7: Chứng tỏ ý thức tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong đời sống nói chung và lĩnh vực đầu tư nói riêng;

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu biết về tính chất của hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư	PLO3	L
CO2	CLO2	Trình bày được các quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, xác định được các đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó	PLO3	M
CO3	CLO3	Hiểu rõ quy định về các hình thức đầu tư tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài.	PLO3	L
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Tìm kiếm và đọc hiểu được văn bản quy phạm pháp luật	PLO7	L
CO5	CLO5	Phân tích các tình huống pháp lý thực tiễn nói chung và trong đầu tư nói riêng, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.	PLO5	L
CO6	CLO6	Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	PLO6	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				

CO7	CLO7	Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật trong đời sống nói chung và lĩnh vực đầu tư nói riêng	PLO14	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật đầu tư*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2015.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Trường đại học kinh tế quốc dân, *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2014. 2. Nguyễn Thị Dung (chủ biên), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lí cơ bản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
Các loại học liệu khác:	Luật Doanh nghiệp Luật Đầu tư https://dangkydoanhnghiep.gov.vn https://dautunuocngoai.gov.vn https://thanhlapdoanhnghiepvn.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về đầu tư và pháp luật về đầu tư, biết, hiểu về các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư.	CLO1
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên hiểu, vận dụng các kiến thức Luật đầu tư vào việc giải quyết những tình huống pháp lý về đầu tư trong đời sống xã hội.	CLO2 CLO3
Trực quan	Giúp sinh viên tiếp cận với các quy định cụ thể của pháp luật về đầu tư thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, sơ đồ hóa, hệ thống kiến thức hoặc tiếp cận các tình huống pháp luật cụ thể của xã hội.	CLO1 CLO2 CLO3
Bài tập	Giúp người học nghiên cứu trước bài học hoặc củng cố kiến thức đã học, giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động đầu tư kinh doanh.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học [3t]	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1]	+ Giới thiệu môn học + Giới thiệu tài liệu + Xác định phương pháp học tập **Chương 1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư và Luật đầu tư** 1.1. Khái quát về đầu tư như khái niệm và phân loại đầu tư 1.2. Khái niệm đầu tư kinh doanh và các hình thức đầu tư kinh doanh 1.3. Khái quát về Luật đầu tư 1.4. Khoa học Luật đầu tư và hệ thống môn học Luật đầu tư	CLO1
[2]	**Chương 2. Chính sách nhà nước về đầu tư kinh doanh và quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh** 2.1. Quy định chung chính sách nhà nước về đầu tư kinhd doanh 2.2. Phạm vi, lĩnh vực đầu tư 2.3. Quản lý nhà nước về đầu tư kinh doanh	CLO1 CLO2
[3]	**Chương 3. Bảo đảm đầu tư** 3.1. Khái quát chung về các biện pháp bảo đảm đầu tư như khái niệm, cơ sở pháp lý, sự cần thiết, vai trò, mối quan hệ giữa các biện pháp bảo đảm đầu tư và môi trường đầu tư, của những biện pháp bảo đảm đầu tư 3.3. Nội dung các biện pháp bảo đảm đầu tư	CLO1 CLO2 CLO3
[4]	**Chương 4. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư** 4.1. Khái quát về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư 4.2. Sự cần thiết phải đặt ra các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư 4.3. Nội dung các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư	CLO1 CLO2
[5]	**Chương 4. (Tiếp theo)** 4.3. Nội dung các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư	CLO3 CLO4
[6]	**Chương 5. Hoạt động đầu tư tại Việt Nam** 5.1. Khái quát chung về dự án đầu tư gồm khái niệm và phân loại dự án đầu tư 5.2. Các hình thức đầu tư tại Việt Nam (Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế)	CLO1 CLO2 CLO3

[7]	**Chương 5. (Tiếp theo)** 5.2. Các hình thức đầu tư tại Việt Nam - Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế - Đầu tư bằng góp vốn	CLO3 CLO4
[8]	**Chương 5. (Tiếp theo)** 5.2. Các hình thức đầu tư tại Việt Nam - Đầu tư bằng ký kết hợp đồng - Bài tập vận dụng 5.3. Quy trình, thủ tục và triển khai đầu tư	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
[9]	**Chương 6. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài** 6.1. Khái quát về đầu tư ra nước ngoài 6.2. Hình thức đầu tư ra nước ngoài 6.3. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài 6.4. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài 6.5. Thủ tục cấp, điều chỉnh và chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	CLO1 CLO2 CLO3
[10]	- Bài tập vận dụng - Kiểm tra giữa kỳ - Ôn tập	CLO3 CLO4 CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình học tập***	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trên lớp, theo kế hoạch giảng dạy	CLO1	30%
		Tham dự đầy đủ, đúng giờ các buổi học, vắng không quá 20% số tiết học, tôn trọng kỷ luật giờ học		CLO1	
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân.	Trên lớp, theo kế hoạch giảng dạy	CLO3, CLO4, CLO5,	
2	***Thi kết thúc học phần***	Thi viết	Theo kế hoạch giảng dạy	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Bùi Thị Long
- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Email: buithilong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0965.598.468

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Vũ Thị Thúy Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vuthithuyhang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914.123.928

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo
Yêu cầu đối với sinh viên	+ Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định. +Tham dự đầy đủ các buổi học + Hoàn thành các bài tập về nhà, bài kiểm tra, thảo luận
Quy định về tham dự lớp học	+ Thực hiện nội quy, kỷ luật của nhà trường, quy chế học đường về giờ giấc, tác phong, cư xử lịch sự, đảm bảo văn hóa học đường + Tôn trọng giảng viên, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
Quy định về hành vi trong lớp học	+ Giữ trật tự trong giờ học + Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, tương tác nhóm
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Bùi Thị Long	TS. Bùi Thị Long	PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

76. [1140140] Tiếng Anh chuyên ngành: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
Mã học phần: 1140140
Tên tiếng Anh: ENGLISH FOR ECONOMICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành
- Mã học phần: 1140140 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết : 22 tiết
  + Làm bài tập trên lớp : 8 tiết
  + Thảo luận : 0 tiết
  + Thực hành, thực tập : 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm : 0 tiết
  + Tự học : 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần : Khoa Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply… và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của ngành Kinh tế bằng Tiếng Anh.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức và vốn từ cơ bản về các nội dung cụ thể liên quan đến lĩnh vực Kinh tế bằng tiếng Anh như kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, cung, cầu…

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch tài liệu liên quan đến kinh tế bằng tiếng Anh.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng xử lý một số vấn đề phát sinh trong công việc liên quan đến kinh tế bằng tiếng Anh.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu những kiến thức cơ bản nhất của khối ngành kinh tế bằng Tiếng Anh.	PLO1	M
CO2	CLO2	Áp dụng kiến thức và vốn từ cơ bản về các nội dung cụ thể liên quan đến lĩnh vực Kinh tế bằng tiếng Anh như kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, cung, cầu…	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Chứng tỏ khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ (tiếng Anh).	PLO5	M
CO4	CLO4	Lựa chọn kiến thức phù hợp để xử lí các vấn đề phát sinh trong công việc liên quan đến kinh tế.	PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	**English in economics and business** by Sarah Bales, Do Thi Nu, Ha Kim Anh - Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân, NXB Thống Kê, 2009
Tài liệu tham khảo thêm:	**English for accounting** by Evan Frendo and Sean Mahoney, Oxford University Press, 2011
Các loại học liệu khác:	https://www.thebalance.com https://www.investopedia.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng về biên dịch một cách khoa học, logic.	CLO1
Đàm thoại, vấn đáp	Giúp sinh viên thực hành kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống liên quan đến chuyên ngành bằng tiếng Anh.	CLO1, CLO2,
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào xử lý văn bản, công việc bằng tiếng Anh.	CLO1, CLO2, CLO3
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết.	CLO1 - CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	**Chapter 1: The market economy** **Unit 1: Market capitalism** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[2] [2 tiết]	**Unit 2: The basic economic problem** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5

[3] [2 tiết]	**Unit 3: The market mechanism** I. Text II. Comprehension questions III. Grammatical IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[4] [2 tiết]	**Chapter 2: History** Unit 4. Adam Smith Unit 5. Robert Malthus Unit 6. Karl Marx Unit 7. Maynard Keynes	CLO1
[5] [2 tiết]	**Chapter III: Macrocconomics** **Unit 8: Macroeconomics** I. Text II. Comprehension questions III. Grammatical IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[6] [2 tiết]	**Unit 9: Fiscal and Monetary Policy** I. Text II. Comprehension questions III. Grammatical IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[7] [2 tiết]	**Unit 10: GDP and GNP** I. Text II. Comprehension questions III. Grammatical IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[8] [2 tiết]	**Unit 11: The Business cycle** I. Text II. Comprehension questions III. Grammatical IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[9] [2 tiết]	**Chapter IV: Microeconomics** **Unit 12: Microeconomics** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[10] [2 tiết]	**- Mid-term test** **- Unit 13: Demand** I. Text	

	II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	
[11] [2 tiết]	**Unit 14: Supply** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[12] [2 tiết]	**Chapter V: International Economics** **Unit 15: What is International Economics?** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[13] [2 tiết]	**Unit 16: Vietnamese Rice Exports** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[14] [2 tiết]	**Unit 17: Trade surplus and Deficits** I. Text II. Comprehension questions III. Grammar IV. Vocabulary exercises	CLO1 - CLO5
[15] [2 tiết]	**Review**	CLO1 - CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	*Quá trình học tập*	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	*30%*
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Trong từng buổi học	CLO5	

		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1-CLO5	
		Sinh viên làm nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa các bài	CLO1-CLO5	
		Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân (dưới hình thức viết) theo trọng số quy định. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10)	CLO1-CLO5	
3	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần: - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hằng năm)	CLO1-CLO5	***70%***

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Lê Tố Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenletoquyen@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0935 496663

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Lương Hạ Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenluonghalien@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 09888 33037

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenthithanhha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0919 554481

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà	TS. Trương Văn Định	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

77. [1140011] Đề án chuyên ngành: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: ĐỀ ÁN CHUYÊN NGÀNH
Mã học phần: 1140011
Tên tiếng Anh: SPECIALIZED PROJECT

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Đề án chuyên ngành
- Mã học phần: 1140011 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 0 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 60 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Kế toán

2. Mô tả học phần

Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Học phần giúp cho sinh viên củng cố, tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học;

+ CO2: Học phần giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu.

- Kỹ năng

+ CO3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu độc lập một số vấn đề cụ thể về mặt lý luận cơ bản, thực hiện các kỹ năng đọc, tham khảo các tài liệu, tổng hợp các ý kiến để thực hiện nghiên cứu

+ CO4: Trang bị cho sinh viên kỹ năng viết bài luận nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự lựa chọn vấn đề nghiên cứu, thu thập dữ liệu nghiên cứu và hoàn thành báo cáo nghiên cứu về chủ đề lựa chọn

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để tổng hợp và phân tích một vấn đề lý luận cụ thể đặt ra	PLO3	H
CO2	CLO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để tổng hợp và phân tích một vấn đề thực tiễn cụ thể đặt ra.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Tổ chức các hoạt động kinh tế một cách khoa học	PLO7 PLO8	M M
		Phân tích độc lập một số vấn đề nghiên cứu cụ thể về mặt lý luận cơ bản, thực hiện các kỹ năng đọc, tham khảo các tài liệu, tổng hợp các ý kiến để thực hiện	PLO7 PLO9	M H

		nghiên cứu		
CO4	CLO4	Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện đối với vấn đề nghiên cứu	PLO12	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	H
		Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật , trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Tài liệu tham khảo chính:	Quy định về viết và trình bày đề án môn học ngành Kinh tế của Khoa Kinh tế và Kế toán. Mô tả sơ lược: Quy định áp dụng nội bộ trong hướng dẫn viết và trình bày đề án chuyên ngành, có thể tìm dọc tại Tủ sách chuyên ngành, Khoa Kinh tế và Kế toán, Đại học Quy Nhơn
Tài liệu tham khảo thêm:	
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Hướng dẫn sinh viên tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học; giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu	CLO1, CLO2
Dạy học theo tình huống	Hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống nghiên chức theo chủ đề nghiên cứu đã chọn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên cách thức tổng hợp kiến thức, triển khai viết đề án theo chủ đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	đã chọn và định hướng các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [Tuần 1]	**Nội dung 1: Chọn đề tài nghiên cứu** - Chọn đề tài nghiên cứu - Tổng hợp tài liệu có liên quan	CLO1, CLO2
[2] [Tuần 2]	**Nội dung 2: Thiết lập đề cương nghiên cứu** - Thiết lập đề cương nghiên cứu - Chỉnh sửa đề cương nghiên cứu	CLO1, CLO2
[3] [Tuần 3]	**Nội dung 3: Viết đề án chuyên ngành** - Xử lý tài liệu thu thập - Viết nội dung cho dề án chuyên ngành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,
[4] [Tuần 4]	**Nội dung 3: Viết đề án chuyên ngành (tiếp theo)** - Xử lý tài liệu thu thập - Viết nội dung cho đề án chuyên ngành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,
[5] [Tuần 5]	**Nội dung 4: Hoàn thành bản thảo đề án chuyên ngành** - Hoàn thành nội dung bản thảo đề án - Trình bày và trích dẫn theo đúng quy định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,
[6] [Tuần 6]	**Nội dung 4: Hoàn thành bản chính đề án chuyên ngành** - Hoàn thành nội dung bản chính đề án - Trình bày và trích dẫn theo đúng quy định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Giảng viên hướng dẫn đánh giá: Chuyên cần, thái độ làm việc, tiến độ thực hiện và chất lượng nội dung khoa học của dề án	Báo cáo đề án chuyên ngành	Sau tuần thứ 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	100%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Giảng viên Bộ môn Kinh tế
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Thạc sĩ
- Email: bmkinhte@gmail.com Điện thoại liên hệ: 02563547569

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch viết đề án, sửa đề cương chi tiết đề án, sửa bản thảo đề án, sửa bản chính đề án đúng thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch giảng viên hướng dẫn giao.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Đỗ Huyền Trang	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

78. [1140109] Phương pháp tối ưu trong kinh doanh: 2 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU TRONG KINH DOANH
Mã học phần: 1140109
Tên tiếng Anh: OPTIMIZATION METHODS IN BUSINESS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phương pháp tối ưu trong kinh doanh
- Mã học phần: 1140109 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết: Toán kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
  + Thảo luận:
  + Thực hành, thực tập:
  + Hoạt động theo nhóm:
  + Tự học: 60 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức toán cơ bản để mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kinh tế và kinh doanh.

Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Toán cao cấp cho kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong các học phần như Kinh tế đầu tư, Kinh tế môi trường, Phân tích kinh doanh, Phân tích lợi ích và chi phí.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viênnhững kiến thức cơ bản về lý thuyết ra quyết định, bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán vận tải.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những phương pháp tối ưu để hỗ trợ các nhà quản trị ra quyết định trong kinh doanh, trong hoạch định dự án đầu tư.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, sinh viên biết cách sử dụng một số phương pháp tối uuđể diễn giải và giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc dưa ra quyết định trong kinh doanh.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.

+ CO5: Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có năng lực tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Sinh viên trình bày được những khái niệm cơ bản về lý thuyết ra quyết định; bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán vận tải.	PLO1 PLO2	M M
CO2	CLO2	Sinh viên giải đượcmột số bài toán tối ưu về ra quyết định và một số bài toán quy hoạch tuyến tính trong kinh doanh.	PLO1 PLO2	M M
	CLO3	Sinh viên giải đượcmột số bài toán vận tải và mạng lưới PERT.	PLO1 PLO2	M M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Sinh viên biết cách áp dụng những phương pháp tối ưu liên quan đến các bài toán quy hoạch về việc đưa ra quyết định trong kinh doanh.	PLO4	M
	CLO5	Sinh viên vận dụng được những phương pháp tối ưu liên quan đến các bài toán vận tải và mạng lưới PERT.	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Sinh viên tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.	PLO14	M

CO5	CLO7	Sinh viên có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học, tự nghiên cứu.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Việt Lâm, *Giáo trình Phương pháp tối ưu trong kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, (2010).
Tài liệu tham khảo thêm:	Phi Mạnh Ban, *Quy hoạch tuyến tính*, NXB Đại học Sư phạm, (2014).

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổihọc	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1. Các bài toán tối ưu trong việc ra quyết định kinh doanh** 1.1. Quyết định trong kinh doanh và lý thuyết quyết định 1.1.1. Quyết định trong kinh doanh 1.1.2. Lý thuyết quyết định 1.1.3. Quy trình ra quyết định	CLO1, CLO2, CLO3
[2] [3 tiết]	**Chương 1. Các bài toán tối ưu trong việc ra quyết định kinh doanh(tiếp theo)** 1.2. Lý thuyết tối ưu 1.2.1. Bài toán tối ưu tổng quát 1.2.2. Bài toán quy hoạch toán học 1.2.3. Sử dụng bài toán tối ưu để giải quyết vấn đề thực tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[3] [2 tiết]	**Bài tập**	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[4]	**Chương 2. Bài toán quy hoạch tuyến tính**	CLO1, CLO2,

[3 tiết]	2.1. Giới thiệu khái quát bài toán quy hoạch tuyến tính 2.2. Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính	CLO4
[5] [3 tiết]	**Chương 2. Bài toán quy hoạch tuyến tính (tiếp theo)** 2.3. Bài toán quy hoạch tuyến tính đối ngẫu 2.4 Ứng dụng của bài toán quy hoạch tuyến tính trong kinh doanh 2.4.1. Bài toán lập kế hoạch sản xuất 2.4.2. Bài toán pha cắt vật liệu 2.4.3. Bài toán lập tiến độ sản xuất	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	**Bài tập**	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[7] [3 tiết]	**Chương 3. Bài toán vận tải** 3.1. Giới thiệu khái quát về bài toán vận tải 3.2. Phương pháp thế vị giải bài toán vận tải	CLO1, CLO3, CLO5
[8] [3 tiết]	**Chương 3. Bài toán vận tải (tiếp theo)** 3.3. Ứng dụng bài toán vận tải trong kinh doanh 3.3.1. Bài toán lựa chọn địa điểm cho doanh nghiệp 3.3.2. Bài toán phân công công việc 3.3.3. Bài toán sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ 3.3.4. Bài toán xe không	CLO1, CLO3, CLO5
[9] [2 tiết]	**Bài tập**	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7
[10] [3 tiết]	**Chương 4. Các bài toán tối ưu trên đồ thị** 4.1. Giới thiệu khái quát lý thuyết đồ thị 4.2. Các bài toán tối ưu trên đồ thị trong kinh doanh 4.3. Phương pháp sơ đồ mạng PERT	CLO1, CLO3, CLO5
[11] [3 tiết]	**Bài tập**	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	***Quá trình***	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và	Trong từng buổi	CLO6 CLO7	5%	30%

		tham gia các hoạt động trong giờ học	học			
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	*5%*	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	*10%*	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO2, CLO4	*10%*	
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	70%	70%
	Tổng					100%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Bảo Duy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh
- Email: tranbaoduy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: Chưa cập nhật

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: damdinhmanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934 808 705

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phượng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: truongthithanhphuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, tích cực làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Trần Bảo Duy	TS. Trương Thị Thanh Phượng	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

79. [1150131] Toán tài chính: 2 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TOÁN TÀI CHÍNH
Mã học phần: 1150131
Tên tiếng Anh: FINANCIAL MATHEMATICS

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Toán tài chính
- Mã học phần: 1150131 Số tín chỉ: 2
- Yêu cầu của học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  + Thảo luận:
  + Thực hành, thực tập:
  + Hoạt động theo nhóm:
  + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiên thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lãi đơn, lãi kép và thương phiếu. + CO2: Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, người học biết cách sử dụng thành thạo phần mềm Excel để tính toán, xử lý và phân tích các bài toán liên quan đến tài chính.

+ CO4: Người học có kỹ năng làm việc nhóm thông qua bài tập tại lớp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Người học tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành theo số giờ quy định.

+ CO6: Người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có năng lực học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTDT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về lãi đơn, lãi kép và thương phiếu. Phân biệt được các loại chiết khấu thương phiếu	PLO3	L
CO2	CLO2	Giải thích được các nội dung cơ bản và quy luật của chuỗi tiền tệ, tóm lược được nội dung liên quan đến hoạt động vay vốn, hiểu được khái niệm cơ bản về trái phiếu, cách đánh giá độ bất ổn của trái phiếu, tóm lược và diễn dịch được các nội dung cốt lõi của định giá chứng khoán.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có khả năng sử dụng phần mềm Excel trong việc giải các bài toán tài chính..	PLO8	M
CO4	CLO4	Có khả năng sử dụng những kiến thức Toán tài chính để giải quyết các công việc trong lĩnh vực Kinh tế.	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu diễn giải các mối quan hệ kinh tế - xã hội.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đỗ Thiên Anh Tuấn, *Toán tài chính ứng dụng*, NXB Tài chính, (2015).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bùi Hữu Phước (2008), *Toán tài chính*, NXB Thống kê. 2. Trần Hùng Thao (2013), *Toán tài chính căn bản*, NXB Văn hóa thông tin.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR Học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Lãi suất** 1.1 Tổng quan về toán tài chính 1.2 Lãi đơn 1.2.1 Lãi suất trung bình trong lãi đơn 1.2.2 Lãi suất tương đương trong lãi đơn 1.3 Lãi kép 1.3.1 Lãi suất tỷ lệ và lãi suất tương đương trong lãi kép 1.3.2 Lãi suất trung bình trong lãi kép 1.3.3 Phương pháp xây dựng biểu lãi suất tiết kiệm	CLO1, CLO2
[2] [6 tiết]	**Chương 2: Chiết khấu thương phiếu** 2.1. Tổng quan 2.1.1. Thương phiếu 2.1.2. Chiết khấu thương phiếu 2.1.3. Phí chiết khấu 2.1.4. Lãi suất chiết khấu 2.2. Chiết khấu thương phiếu theo lãi đơn 2.2.1. Chiết khấu thương mại và chiết khấu hợp lý 2.2.2. Sự ngang giá của hai thương phiếu 2.2.3. Những điều kiện chiết khấu thương phiếu 2.2.4. Lãi suất chiết khấu thực tế 2.3. Chiết khấu thương phiếu theo lãi kép 2.3.1. Hiện giá của thương phiếu 2.3.2. Phí chiết khấu theo lãi kép 2.3.3. Thương phiếu tương đương 2.4. Bài tập và một số tình huống thực tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[3] [6 tiết]	**Chương 3: Chuỗi tiền tệ** 3.1 Tổng quan về chuỗi tiền tệ	CLO1

	3.2 Giá trị tương lai của chuỗi tiền tệ 3.2.1 Chuỗi tiền tệ cuối kỳ 3.2.2 Chuỗi tiền tệ đầu kỳ 3.2.3 Chuỗi tiền tệ cố định 3.3 Giá trị hiện tại của chuỗi tiền tệ 3.3.1 Chuỗi tiền tệ cuối kỳ 3.3.2 Chuỗi tiền tệ đầu kỳ 3.3.3 Chuỗi tiền tệ cố định 3.4 Các chuỗi tiền tệ biến đổi có quy luật 3.4.1 Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số cộng 3.4.2 Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số nhân	
[4] [3 tiết]	**Chương 4: Vay vốn** 4.1 Tổng quan về hoạt động vay vốn 4.2 Các phương pháp hoàn trả 4.3 Lập bảng hoàn trả 4.4 Các quy luật của trả nợ dần định kỳ 4.4.1 Trả nợ dần định kỳ bằng kỳ khoản cố định. 4.4.2 Trả nợ dần định kỳ cố định phần trả nợ gốc.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5] [3 tiết]	Ôn tập các chương 1, 2, 3, và 4	CLO1, CLO3
[6] [5 tiết]	**Chương 5: Trái phiếu** 5.1. Tổng quan 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Các yếu tố liên quan đến trái phiếu 5.2. Các loại tỷ suất sinh lợi 5.2.1. Lãi suất danh nghĩa 5.2.2. Lãi suất hiện thời 5.2.3. Lãi suất đáo hạn - YTM 5.2.4. Lãi suất mua lại - YTC 5.2.5. Lãi suất bán lại - YTP 5.2.6. Lãi suất thực hiện 5.3. Đánh giá mức độ bất ổn trong giá trái phiếu 5.4.1. Biến động giá trái phiếu 5.4.2. Duration và độ lồi 5.4.3. Đánh giá biến động qua Duration và độ lồi 5.4. Chiến lược kinh doanh trái phiếu	CLO1
[7] [4 tiết]	**Chương 6: Định giá chứng khoán** 6.1 Các khái niệm cơ bản về chứng khoán 6.1.1. Các loại chứng khoán 6.1.2. Các loại giá trị 6.2 Định giá trái phiếu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	6.3 Định giá cổ phiếu 6.3.1. Định giá cổ phiếu ưu đãi 6.3.2. Định giá cổ phiếu thông thường	
Buổi học	**Nội dung**	**CĐR Học phần**
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1: Lãi suất** 1.1 Tổng quan về toán tài chính 1.2 Lãi đơn 1.2.1 Lãi suất trung bình trong lãi đơn 1.2.2 Lãi suất tương dương trong lãi đơn 1.3 Lãi kép 1.3.1 Lãi suất tỷ lệ và lãi suất tương đương trong lãi kép 1.3.2 Lãi suất trung bình trong lãi kép 1.3.3 Phương pháp xây dựng biểu lãi suất tiết kiệm	CLO1, CLO2
[2] [6 tiết]	**Chương 2: Chiết khấu thương phiếu** 2.1. Tổng quan 2.1.1. Thương phiếu 2.1.2. Chiết khấu thương phiếu 2.1.3. Phí chiết khấu 2.1.4. Lãi suất chiết khấu 2.2. Chiết khấu thương phiếu theo lãi đơn 2.2.1. Chiết khấu thương mại và chiết khấu hợp lý 2.2.2. Sự ngang giá của hai thương phiếu 2.2.3. Những điều kiện chiết khấu thương phiếu 2.2.4. Lãi suất chiết khấu thực tế 2.3. Chiết khấu thương phiếu theo lãi kép 2.3.1. Hiện giá của thương phiếu 2.3.2. Phí chiết khấu theo lãi kép 2.3.3. Thương phiếu tương đương 2.4. Bài tập và một số tình huống thực tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[3] [6 tiết]	**Chương 3: Chuỗi tiền tệ** 3.1 Tổng quan về chuỗi tiền tệ 3.2 Giá trị tương lai của chuỗi tiền tệ 3.2.1 Chuỗi tiền tệ cuối kỳ 3.2.2 Chuỗi tiền tệ đầu kỳ 3.2.3 Chuỗi tiền tệ cố định 3.3 Giá trị hiện tại của chuỗi tiền tệ 3.3.1 Chuỗi tiền tệ cuối kỳ 3.3.2 Chuỗi tiền tệ đầu kỳ	CLO1

	3.3.3 Chuỗi tiền tệ cố định 3.4 Các chuỗi tiền tệ biến đổi có quy luật 3.4.1 Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số cộng 3.4.2 Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số nhân	
[4] [3 tiết]	**Chương 4: Vay vốn** 4.1 Tổng quan về hoạt động vay vốn 4.2 Các phương pháp hoàn trả 4.3 Lập bảng hoàn trả 4.4 Các quy luật của trả nợ dần định kỳ 4.4.1 Trả nợ dần định kỳ bằng kỳ khoản cố định. 4.4.2 Trả nợ dần định kỳ cố định phần trả nợ gốc.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[5] [3 tiết]	Ôn tập các chương 1, 2, 3, và 4	CLO1, CLO3
[6] [5 tiết]	**Chương 5: Trái phiếu** 5.1. Tổng quan 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Các yếu tố liên quan đến trái phiếu 5.2. Các loại tỷ suất sinh lợi 5.2.1. Lãi suất danh nghĩa 5.2.2. Lãi suất hiện thời 5.2.3. Lãi suất đáo hạn - YTM 5.2.4. Lãi suất mua lại - YTC 5.2.5. Lãi suất bán lại - YTP 5.2.6. Lãi suất thực hiện 5.3. Đánh giá mức độ bất ổn trong giá trái phiếu 5.4.1. Biến động giá trái phiếu 5.4.2. Duration và độ lồi 5.4.3. Đánh giá biến động qua Duration và độ lồi 5.4. Chiến lược kinh doanh trái phiếu	CLO1
[7] [4 tiết]	**Chương 6: Định giá chứng khoán** 6.1 Các khái niệm cơ bản về chứng khoán 6.1.1. Các loại chứng khoán 6.1.2. Các loại giá trị 6.2 Định giá trái phiếu 6.3 Định giá cổ phiếu 6.3.1. Định giá cổ phiếu ưu đãi 6.3.2. Định giá cổ phiếu thông thường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức	Tiêu chí đánh giá	Thời	CĐR	Trọng số

	đánh giá		điểm	của HP	Thành phần	Tổng
1	*Quá trình*	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO4, CLO5	5%	30%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO4, CLO5	5%	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO3, CLO4	10%	
2	*Cuối kỳ*	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4	70%	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: caotanbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: damdinhmanh@qnu.edu.vn

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	KT. TRƯỞNG KHOA PHÓ TRƯỞNG KHOA
ThS. Cao Tấn Bình	TS. Phan Trọng Nghĩa	TS. Đặng Thị Thanh Loan

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

80. [1140196] Thực tập nhận thức: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: THỰC TẬP NHẬN THỨC
Mã học phần: 1140196
Tên tiếng Anh: PRACTICING AWARENESS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Thực tập nhận thức
- Mã học phần: 1140196 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 2, Lập dự án đầu tư
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 0 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 60 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Kế toán

2. Mô tả học phần

Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kinh tế và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên..

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Học phần giúp cho sinh viên kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở trường, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế nhằm giúp sinh viên làm quen và tăng cường kỹ năng thực tế,

năng lực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo;

+ CO2: Học phần giúp cho sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn về những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, cũng như tình hình phát triển Kinh tế - xã hội ở các địa phương, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình công tác kế hoạch và đầu tư của các doanh nghiệp và xu thế phát triển của nền kinh tế.

- Kỹ năng

+ CO3: Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng lý luận, phát huy khả năng tư duy sáng tạo, đặt vấn đề và giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

+ CO4: Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng về tác phong làm việc, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về công tác nghiệp vụ, phương pháp làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự tiếp cận đơn vị thực tập, lựa chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, thu thập dữ liệu thực tế tại đơn vị thực tập và hoàn thành báo cáo thực tập về chủ đề lựa chọn

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để tổng hợp và phân tích một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập đặt ra	PLO3	H
CO2	CLO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để khái quát và mô tả thực tiễn công tác lập kế hoạch đầu tư, chương trình phát triển kinh kế,... tại đơn vị thực tập.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Chứng tỏ khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi	PLO5	M

		trường và tình huống khác nhau tại nơi thực tập		
		Tổ chức thời gian và các hoạt động kinh tế một cách khoa học khi thực tập	PLO7	M
		Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế trong quá trình thực tập và viết báo cáo	PLO9 PLO11	H M
CO4	CLO4	Vận dụng các kỹ năng lập kế hoạch, lập dự án đầu tư,...	PLO11	H
		Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế hoạch và đầu tư tại đơn vị thực tập	PLO12	M
		Chứng tỏ khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế	PLO8	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	H
		Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật , trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Tài liệu tham khảo chính:	Quy định về viết và trình bày Báo cáo Thực tập nhận thức ngành Kinh tế của Khoa Kinh tế và Kế toán. Mô tả sơ lược: Quy định áp dụng nội bộ trong hướng dẫn viết và trình bày Báo cáo Thực tập nhận thức, có thể tìm đọc tại Tủ sách chuyên ngành, Khoa Kinh tế và Kế toán, Đại học Quy Nhơn
Tài liệu tham	

khảo thêm:	
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Hướng dẫn sinh viên tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học vào thực tiễn công tác về đầu tư, phát triển tại các đơn vị; giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một chủ đề thực tế phù hợp để nghiên cứu.	CLO1, CLO2
Dạy học theo tình huống	Hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống nghiên chức theo chủ đề nghiên cứu đã chọn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên cách thức vận dụng kiến thức, triển khai viết báo cáo theo chủ đề đã chọn và đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [1/2 Tuần 1]	**Nội dung 1: Nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập** - Dẫn đoàn đến đơn vị thực tập (từ 15 SV/ đoàn) - Gợi nhớ các kiến thức liên quan - Sinh viên quan sát bộ máy quản lý của đơn vị thực tập (theo hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị) - Sinh viên tìm hiểu hoạt động lập kế hoạch của đơn vị thực tập (theo hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị)	CLO1, CLO2

khảo thêm:	
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Hướng dẫn sinh viên tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học vào thực tiễn công tác về đầu tư, phát triển tại các đơn vị; giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một chủ đề thực tế phù hợp để nghiên cứu.	CLO1, CLO2
Dạy học theo tình huống	Hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống nghiên chức theo chủ đề nghiên cứu đã chọn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên cách thức vận dụng kiến thức, triển khai viết báo cáo theo chủ đề đã chọn và đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [1/2 Tuần 1]	**Nội dung 1: Nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập** - Dẫn đoàn đến đơn vị thực tập (từ 15 SV/ đoàn) - Gợi nhớ các kiến thức liên quan - Sinh viên quan sát bộ máy quản lý của đơn vị thực tập (theo hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị) - Sinh viên tìm hiểu hoạt động lập kế hoạch của đơn vị thực tập (theo hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị)	CLO1, CLO2

		trường và tình huống khác nhau tại nơi thực tập		
		Tổ chức thời gian và các hoạt động kinh tế một cách khoa học khi thực tập	PLO7	M
		Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế trong quá trình thực tập và viết báo cáo	PLO9 PLO11	H M
CO4	CLO4	Vận dụng các kỹ năng lập kế hoạch, lập dự án đầu tư,…	PLO11	H
		Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế hoạch và đầu tư tại đơn vị thực tập	PLO12	M
		Chứng tỏ khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế	PLO8	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	H
		Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật , trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Tài liệu tham khảo chính:	Quy định về viết và trình bày Báo cáo Thực tập nhận thức ngành Kinh tế của Khoa Kinh tế và Kế toán. Mô tả sơ lược: Quy định áp dụng nội bộ trong hướng dẫn viết và trình bày Báo cáo Thực tập nhận thức, có thể tìm đọc tại Tủ sách chuyên ngành, Khoa Kinh tế và Kế toán, Đại học Quy Nhơn
Tài liệu tham	

[2] [1/2 Tuần 1]	**Nội dung 1: Nghiên cứu hoạt động của đơn vị thực tập (tiếp theo)** - Sinh viên tìm hiểu hoạt động lập, thẩm định, quản lý dự án của đơn vị thực tập (theo hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị) **Nội dung 2: Viết nội dung Báo cáo thực tập nhận thức (theo nhóm)** - Thiết lập đề cương nghiên cứu - Chỉnh sửa đề cương nghiên cứu	CLO1, CLO2
[3] [1/2 Tuần 2]	**Nội dung 2: Viết nội dung Báo cáo thực tập nhận thức (theo nhóm) (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Báo cáo thực tập nhận thức	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[4] [1/2 Tuần 2]	**Nội dung 3: Hoàn thành Báo cáo thực tập nhận thức (theo nhóm)** - Hoàn thành bản thảo - Hoàn thành bản chính	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Giảng viên hướng dẫn đánh giá: Chuyên cần, thái độ làm việc, tiến độ thực hiện và chất lượng nội dung khoa học của báo cáo thực tập nhận thức	Báo cáo thực tập nhận thức	Sau tuần thứ 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%
2	Giảng viên phản biện: Đánh giá sự hiểu biết, nội dung khoa học của báo cáo thực tập nhận thức.	Trả lời về về hiểu biết nội dung của báo cáo thực tập nhận thức	Sau tuần thứ 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

9. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Giảng viên Bộ môn Kinh tế
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Thạc sĩ
- Email: khoakinhteketoan@qnu.edu.vn thoại liên hệ: 02563547569

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch viết báo cáo thực tập nhận thức, sửa đề cương chi tiết báo cáo thực tập nhận thức, sửa bản thảo báo cáo thực tập nhận thức, sửa bản chính báo cáo thực tập nhận thức đúng thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch giảng viên hướng dẫn giao.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Hoàng Thị Hoài Hương	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

81. [1140010] Chuyên đề thực tập tốt nghiệp: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã học phần: 1140010

Tên tiếng Anh: GRADUATION INTERNSHIP

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Chuyên đề thực tập tốt nghiệp
- Mã học phần: 1140010 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Quản lý dự án đầu tư, Thẩm định dự án đầu tư
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 0 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 90 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Kế toán

2. Mô tả học phần

Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, phân tích lợi ích – chi phí,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác đầu tư, phát triển các đơn vị, các chương trình kinh tế - xã hội,... và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Học phần giúp cho sinh viên làm quen thực tế, phát huy năng lực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đào tạo; giúp sinh viên hệ thống hoá và

củng cố những kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, doanh nghiệp, kiến thức chuyên môn đã được trang bị,;

+ CO2: Học phần giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để giải quyết một hoặc một số vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; tạo cơ hội cho sinh viên phát hiện các kiến thức còn thiếu để có kế hoạch bổ sung, hoàn thiện.

- Kỹ năng

+ CO3: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng lập dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư,... tại các đơn vị.

+ CO4: Học phần giúp trang bị cho sinh viên nghiên cứu những vấn đề, đề tài mới, vừa tầm hoặc khuyến khích sinh viên về địa phương nơi cư trú để thực tập tại các đơn vị phù hợp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự tiếp cận đơn vị thực tập, lựa chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, thu thập dữ liệu thực tế tại đơn vị thực tập và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp về chủ đề lựa chọn

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	**Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)**		**Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)**	**Mức độ đạt được**
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để tổng hợp và phân tích một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập đặt ra	PLO3	H
CO2	CLO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để khái quát và mô tả thực tiễn công tác lập dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư,... và đánh giá, đề ra hướng giải quyết tại đơn vị thực tập	PLO3	H

Kỹ năng				
CO3	CLO3	Chứng tỏ khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau tại nơi thực tập	PLO5	H
		Tổ chức thời gian và các hoạt động kinh tế một cách khoa học khi thực tập	PLO7	M
		Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế trong quá trình thực tập và viết báo cáo	PLO9 PLO11	H M
CO4	CLO4	Kỹ năng phân tích, hoạch định và đưa ra các giải pháp, kiến nghị trong thực tiễn tại đơn vị thực tập	PLO11	H
		Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư,... tại đơn vị thực tập	PLO12	H
		Chứng tỏ khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế	PLO8	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng học tập suốt đời, khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích luỹ kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.	PLO13	H
		Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật , trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Tài liệu tham khảo chính:	Quy định về viết và trình bày chuyên đề thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp ngành Kinh tế của Khoa Kinh tế và Kế toán. Mô tả sơ lược: Quy định áp dụng nội bộ trong hướng dẫn viết và trình bày chuyên đề thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp, có thể tìm đọc tại Tủ sách chuyên ngành, Khoa Kinh tế và Kế toán, Đại học Quy Nhơn
Tài liệu tham khảo thêm:	
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Hướng dẫn sinh viên tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học vào thực tiễn công tác lập dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư,... tại đơn vị thực tập; giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một chủ đề thực tế phù hợp để nghiên cứu.	CLO1, CLO2
Dạy học theo tình huống	Hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống nghiên chức theo chủ đề nghiên cứu đã chọn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên cách thức vận dụng kiến thức, triển khai viết báo cáo theo chủ đề đã chọn và đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [Tuần 1]	**Nội dung 1: Chọn đề tài nghiên cứu** - Đăng ký cơ sở thực tập - Chọn đề tài nghiên cứu - Tổng hợp tài liệu có liên quan	CLO1, CLO2
[2] [Tuần 2]	**Nội dung 2: Thiết lập đề cương nghiên cứu** - Thiết lập đề cương nghiên cứu - Chỉnh sửa đề cương nghiên cứu	CLO1, CLO2
[3] [Tuần 3]	**Nội dung 3: Viết nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho chuyên đề thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[4] [Tuần 4]	**Nội dung 3: Viết nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho chuyên đề thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5] [Tuần 5]	**Nội dung 3: Viết nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho chuyên đề thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [Tuần 6]	**Nội dung 3: Viết nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho chuyên đề thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[7] [Tuần 7]	**Nội dung 3: Hoàn thành bản thảo chuyên đề**	CLO1,

	thực tập tốt nghiệp - Hoàn thành bản thảo - Chỉnh sửa bản thảo	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[8] [Tuần 8]	**Nội dung 3: Hoàn thành bản chính chuyên đề thực tập tốt nghiệp** - Hoàn thành bản chính - Chỉnh sửa bản chính	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Giảng viên hướng dẫn đánh giá: Chuyên cần, thái độ làm việc, tiến độ thực hiện và chất lượng nội dung khoa học của chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Sau tuần thứ 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%
2	Giảng viên phản biện: Đánh giá sự hiểu biết, nội dung khoa học của chuyên đề thực tập tốt nghiệp.	Trả lời về về hiểu biết nội dung của chuyên đề thực tập tốt nghiệp	Sau tuần thứ 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

9. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Giảng viên các Bộ môn Kinh tế
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, Thạc sĩ
- Email: khoakinhteketoan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 02563547569

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp, sửa đề cương chi tiết chuyên đề

	thực tập tốt nghiệp, sửa bản thảo chuyên đề thực tập tốt nghiệp, sửa bản chính chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch giảng viên hướng dẫn giao.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Hoàng Thị Hoài Hương	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

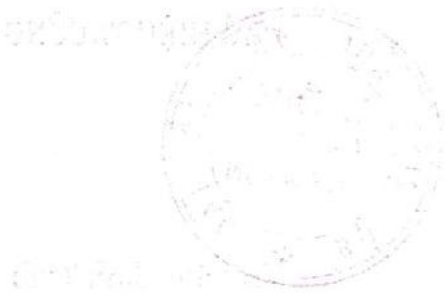

82. [1140197] Khoá luận tốt nghiệp: 6TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã học phần: 1140197

Tên tiếng Anh: GRADUATION THESIS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Khoá luận tốt nghiệp
- Mã học phần: 1140197 Số tín chỉ: 6
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Quản lý dự án đầu tư, Phân tích lợi ích – chi phí
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 0 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 0 tiết
  + Thực hành, thực tập: 210 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 210 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế và Kế toán

2. Mô tả học phần

Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án đầu tư, phân tích lợi ích – chi phí,...học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
  + CO1: Học phần giúp cho sinh viên lựa chọn đề tài theo hướng thực hành: Nội

dung của bài viết chủ yếu là báo cáo về nội dung thực tập hay nói cách khác đó là những gì mới mà sinh viên học được tại đơn vị thực tập. Tiếp đó, sinh viên có thể phát triển thành các đề tài chẳng hạn như hoạch định chiến lược, giải quyết một số vấn đề thực tế tại đơn vị hay thẩm định dự án,... với điều kiện được tiếp cận số liệu và hoạt động của tổ chức.

+ CO2: Học phần giúp cho sinh viên lựa chọn đề tài theo hướng nghiên cứu: Nội dung của bài viết sẽ là một nghiên cứu theo hướng hàn lâm với các chủ đề ở cấp vĩ mô chẳng hạn chính sách kinh tế, tăng trưởng kinh tế,... Đối với hướng thực tập này, sinh viên cần tìm một đơn vị thực tập phù hợp với nội dung nghiên cứu, sử dụng được nguồn dữ liệu thứ cấp, sơ cấp và các nguồn thống kê.

- Kỹ năng

+ CO3: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng về hệ thống hoá cơ sở lý luận, các lý thuyết cho nghiên cứu, mô tả thực trạng và đánh giá, đề xuất các giải pháp.

+ CO4: Học phần giúp trang bị cho sinh viên nghiên cứu những vấn đề, đề tài mới, vừa tầm hoặc khuyến khích sinh viên về địa phương nơi cư trú để thực tập tại các đơn vị phù hợp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự lựa chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp, thu thập dữ liệu thực tế tại đơn vị thực tập và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp về chủ đề lựa chọn

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để tổng hợp và phân tích một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập đặt ra	PLO3	H
CO2	CLO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để khái quát và mô tả thực tiễn công tác liên quan đến kinh tế dầu	PLO3	H

		tư, kinh tế phát triển và đánh giá, đề ra hướng giải quyết tại đơn vị thực tập		
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Chứng tỏ khả năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau tại nơi thực tập	PLO5	H
		Tổ chức thời gian và các hoạt động kinh tế một cách khoa học khi thực tập	PLO7	H
		Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế trong quá trình thực tập và viết khoá luận	PLO9 PLO11	H M
CO4	CLO4	Kỹ năng phân tích, hoạch định và đưa ra các giải pháp, kiến nghị trong thực tiễn tại đơn vị thực tập	PLO11	H
		Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác liên quan đến kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển tại đơn vị thực tập.	PLO12	H
		Chứng tỏ khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế.	PLO8	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng học tập suốt đời, khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích luỹ kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.	PLO13	H
		Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật , trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Tài liệu tham khảo chính:	Quy định về viết và trình bày chuyên đề thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp ngành Kinh tế của Khoa Kinh tế và Kế toán. Mô tả sơ lược: Quy định áp dụng nội bộ trong hướng dẫn viết và trình bày chuyên đề thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp, có thể tìm dọc tại Tủ sách chuyên ngành, Khoa Kinh tế và Kế toán, Đại học Quy Nhơn
Tài liệu tham khảo thêm:	
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Hướng dẫn sinh viên tổng hợp và phát triển những kiến thức lý thuyết chuyên ngành đã được học vào thực tiễn công tác liên quan đến kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển tại đơn vị thực tập; giúp cho sinh viên biết cách nhận biết và lựa chọn một chủ đề thực tế phù hợp để nghiên cứu.	CLO1, CLO2
Dạy học theo tình huống	Hướng dẫn sinh viên xử lý các tình huống nghiên cứu theo chủ đề nghiên cứu đã chọn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Giảng viên hướng dẫn hỗ trợ sinh viên cách thức vận dụng kiến thức, triển khai viết báo cáo theo chủ đề đã chọn và đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [Tuần 1]	**Nội dung 1: Chọn đề tài nghiên cứu** - Chọn đề tài nghiên cứu - Tổng hợp tài liệu có liên quan	CLO1, CLO2
[2] [Tuần 2]	**Nội dung 2: Thiết lập đề cương nghiên cứu** - Thiết lập đề cương nghiên cứu - Chỉnh sửa đề cương nghiên cứu	CLO1, CLO2
[3] [Tuần 3]	**Nội dung 3: Viết nội dung Khóa luận tốt nghiệp** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Khóa luận tốt nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[4] [Tuần 4]	**Nội dung 3: Viết nội dung Khóa luận tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Khóa luận tốt nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5] [Tuần 5]	**Nội dung 3: Viết nội dung Khóa luận tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Khóa luận tốt nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [Tuần 6]	**Nội dung 3: Viết nội dung Khóa luận tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập - Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Khóa luận tốt nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[7] [Tuần 7]	**Nội dung 3: Viết nội dung Khóa luận tốt nghiệp (tiếp theo)** - Thu thập tài liệu, số liệu thực tế tại cơ sở thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	- Xử lý tài liệu, số liệu thu thập được. - Viết nội dung cho Khóa luận tốt nghiệp	
[8] [Tuần 8]	**Nội dung 3: Hoàn thành Bản thảo Khóa luận tốt nghiệp** - Hoàn thành bản thảo - Chỉnh sửa bản thảo	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,
[9] [Tuần 9]	**Nội dung 3: Hoàn thành Bản chính Khóa luận tốt nghiệp** - Hoàn thành bản chính - Chỉnh sửa bản chính	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Giảng viên hướng dẫn đánh giá: Chuyên cần, thái độ làm việc, tiến độ thực hiện và chất lượng nội dung khoa học của khoá luận tốt nghiệp	Khoá luận tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu khoa học	Sau tuần thứ 9	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
2	Giảng viên phản biện và hội đồng chấm: Đánh giá sự hiểu biết, nội dung khoa học của khoá luận tốt nghiệp.	Trả lời về về hiểu biết nội dung của khoá luận tốt nghiệp	Sau tuần thứ 9	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	80%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Giảng viên các Bộ môn Kinh tế
- Chức danh, học hàm, học vị:, Tiến sĩ, Thạc sĩ
- Email: khoakinhteketoan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 02563547569

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch viết khoá luận tốt nghiệp, sửa đề cương chi tiết khoá luận tốt nghiệp, sửa bản thảo khoá luận tốt nghiệp, sửa bản chính khoá luận tốt nghiệp đúng thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch giảng viên hướng dẫn giao.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 08 năm 202..

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Hoàng Thị Hoài Hương	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Q. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

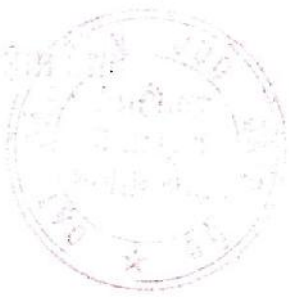

83. [1140148] Thuế và chính sách thuế: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: THUẾ VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

Mã học phần: 1140148

Tên tiếng Anh: TAX AND TAX POLICIES

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Thuế và chính sách thuế
- Mã học phần: 1140148 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Thay thế
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): tìm hiểu trước các luật, nghị định, thông tư của hệ thống thuế tại Việt Nam.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  + Thảo luận: …. tiết
  + Thực hành, thực tập:….tiết
  + Hoạt động theo nhóm: …. tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.

Học phần thuộc học phần thay thế phần kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống thuế, kiến thức về các sắc thuế tại Việt Nam, cách thức kê khai các sắc thuế đó.

- Kỹ năng

+ CO2: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ kê khai thuế.

+ CO3: Sinh viên có khả năng kê khai các sắc thuế đã học trong thực tế làm việc tại doanh nghiệp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu các sắc thuế khác trong hệ thống thuế Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích những vấn đề của hệ thống thuế, các nội dung chính và cách kê khai một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO2	CLO2	Nghiên cứu được cách sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ kê khai thuế	PLO8	M
CO3	CLO3	Phân tích được cách kê khai các sắc thuế đã học trong thực tế làm việc tại doanh nghiệp	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu các sắc thuế khác trong hệ	PLO13	H

		thống thuế Việt Nam		

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phạm Đức Cường và Trần Mạnh Dũng, *Thuế Và Kế Toán Thuế Trong Doanh Nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính, 2019. 2. Lê Thị Mỹ Kim – Đào Nhật Minh – Lê Vũ Tường Vy, Bài giảng thuế và kế toán thuế, tài liệu lưu hành nội bộ.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Võ Văn Nhị, *Thuế và kế toán thuế*, Nhà xuất bản giao thông vận tải, 2018. 2. Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyến, *Giáo trình thuế 1*, Nhà xuất bản kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015. 3. Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyến, Đặng Thị Bạch Vân, *Bài tập thuế*, Nhà xuất bản kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015. 4. Lê Quang Cường, *Kỹ thuật khai báo thuế*, Nhà xuất bản lao động, 2015. 5. Các văn bản pháp quy hiện hành về các sắc thuế cơ bản
Các loại học liệu khác:	www.gdt.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1
Bài tập nhóm	Các nhóm sinh viên được phân giải quyết các tình huống khác nhau trong việc kê khai các sắc thuế cơ bản tại các doanh nghiệp có đặc điểm khác nhau.	CLO2, CLO3
Thực tập, thực tế	Cho sinh viên trải nghiệm cách cách kê khai các sắc thuế tại doanh nghiệp mẫu.	CLO2, CLO3
Giải quyết vấn đề	Cho sinh viên tự kê khai các sắc thuế trên phần mềm hỗ trợ kê khai với các điều kiện cho trước. Kiểm tra khả năng tự học và	CLO2, CLO3, CLO4

	nghiên cứu để giải quyết vấn đề tại doanh nghiệp của sinh viên.	

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	**Chương 1. Tổng quan về thuế và kế toán thuế** 1.1.Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò của thuế 1.1.1.Khái niệm thuế 1.1.2.Đặc điểm của thuế 1.1.3.Chức năng, vai trò của thuế 1.2. Phân loại thuế 1.2.1. Phân loại theo phương thức đánh thuế 1.2.2. Phân loại theo cơ sở tính thuế 1.2.3. Phân loại theo mức thuế 1.2.4. Phân loại theo chế độ phân cấp và điều hành ngân sách	CLO1
[2] [3 tiết]	**Chương 1. Tổng quan về thuế và kế toán thuế (tiếp theo)** 1.3. Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế 1.3.1. Tên gọi 1.3.2. Người nộp thuế 1.3.3. Đối tượng chịu thuế 1.3.4. Căn cứ tính thuế 1.3.5. Ưu đãi thuế 1.4. Hệ thống thuế Việt Nam 1.4.1. Một số vấn đề về hệ thống thuế 1.4.2. Tác động kinh tế của thuế 1.4.3. Hệ thống thuế Việt Nam 1.5. Tổng quan về kế toán thuế 1.5.1. Khái niệm về kế toán thuế 1.5.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế	CLO1
[3] [3 tiết]	**Chương 2. Thuế và kế toán thuế giá trị gia tăng** 2.1. Những vấn đề cơ bản về thuế GTGT 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế GTGT	CLO1, CLO2, CLO3

	2.1.2. Đối tượng chịu thuế, người nộp thuế GTGT 2.1.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT 2.1.4. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT 2.1.5. Hoàn thuế GTGT 2.1.6. Nơi nộp thuế GTGT	
[4] [3 tiết]	**Chương 2. Thuế và kế toán thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)** 2.2. Kê khai thuế GTGT 2.2.1. Quy định chung về khai thuế GTGT 2.2.2. Hướng dẫn khai thuế GTGT khấu trừ 2.2.3. Khai thuế GTGT trực tiếp	CLO1, CLO2, CLO3
[5] [3 tiết]	**Chương 3. Thuế và kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt** 3.1. Những vấn đề cơ bản về thuế TTĐB 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế TTĐB 3.1.2. Đối tượng chịu thuế, người nộp thuế TTĐB 3.1.3. Đối tượng không chịu thuế TTĐB 3.1.4. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TTĐB 3.1.5. Hoàn thuế TTĐB 3.1.6. Khấu trừ thuế TTĐB 3.1.7. Giảm thuế TTĐB	CLO1, CLO2, CLO3
[6] [3 tiết]	**Chương 3. Thuế và kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt (tiếp theo)** 3.2. Kê khai thuế TTĐB 3.2.1. Quy định chung về khai thuế TTĐB 3.2.2. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế TTĐB 3.2.3. Hướng dẫn kỹ thuật kê khai thuế TTĐB	CLO1, CLO2, CLO3
[7] [3 tiết]	**Chương 4. Thuế và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp** 4.1. Những vấn đề cơ bản về thuế TNDN 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế TNDN 4.1.2. Người nộp thuế	CLO1, CLO2, CLO3

	4.1.3. Thu nhập chịu thuế 4.1.4. Thu nhập miễn thuế 4.1.5. Kỳ tính thuế 4.1.6. Xác định thu nhập tính thuế 4.1.7. Thu nhập khác 4.1.8. Thuế suất 4.1.9. Phương pháp tính thuế 4.1.10. Nơi nộp thuế 4.1.11. Ưu đãi thuế TNDN 4.1.12. Xác định lỗ và chuyển lỗ 4.1.13. Trích lập Quĩ phát triển Khoa học và Công nghệ 4.1.14. Xử lý sai sót thuế TNDN	
[8] [3 tiết]	**Chương 4. Thuế và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)** 4.2. Kê khai thuế TNDN 4.2.1. Quy định chung về khai thuế TNDN 4.2.2. Hồ sơ khai thuế TNDN 4.2.3. Hướng dẫn kỹ thuật kê khai thuế TNDN với các đơn vị tính thuế TNDN theo thu nhập chịu thuế 4.2.4. Hướng dẫn kỹ thuật kê khai quyết toán thuế TNDN 4.2.5. Hướng dẫn kỹ thuật kê khai thuế TNDN với các đơn vị tính thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu	CLO1, CLO2, CLO3
[9] [3 tiết]	**Chương 5. Thuế và kế toán thuế thu nhập cá nhân** 5.1. Những vấn đề cơ bản về thuế TNCN 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế TNCN 5.1.2. Người chịu thuế 5.1.3. Thu nhập chịu thuế 5.1.4. Kỳ tính thuế 5.1.5. Thu nhập được miễn thuế 5.1.6. Giảm thuế	CLO1, CLO2, CLO3
[10] [3 tiết]	**Chương 5. Thuế và kế toán thuế thu nhập cá nhân (tiếp theo)**	CLO1, CLO2, CLO3

	5.2. Kê khai thuế TNCN 5.2.1. Quy định chung về khai thuế TNCN 5.2.1. Hồ sơ khai thuế TNCN 5.2.2. Hướng dẫn kỹ thuật kê khai thuế TNCN	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình*** [1]				*30%*
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO4	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO4	
	Bài tập nhóm	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra nhóm. Tiêu chí đánh giá bài nhóm (mức độ giải quyết được các tình huống do giảng viên đưa ra)	Kết thúc mỗi chương, bắt đầu từ chương 2 (tuần thứ 2)	CLO1, CLO2, CLO3	10%
	Kiểm tra giữa	Sinh viên làm 1	Kết thúc	CLO1,	10%

[1] Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

	kỳ	bài cá nhân về kê khai thuế	chương 5 (tuần 10)	CLO2, CLO3	
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đào Nhật Minh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: daonhatminh@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0935.081.287

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Vũ Tường Vy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: levutuongvy@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0986.264.397

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày .....tháng .....năm 202...

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN **TRƯỞNG BỘ MÔN** **TRƯỞNG KHOA**

	kỳ	bài cá nhân về kê khai thuế	chương 5 (tuần 10)	CLO2, CLO3	
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đào Nhật Minh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: daonhatminh@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0935.081.287

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Vũ Tường Vy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: levutuongvy@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0986.264.397

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS.Đào Nhật Minh	PGS.TS.Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS.Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS.Đinh Anh Tuấn

84. [1140145] Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
Mã học phần: 1140145
Tên tiếng Anh: ANALYSIS OF PRODUCTION AND BUSINESS PLAN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Mã học phần: 1140145 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Thay thế
- Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 04 tiết
  + Thảo luận: .... tiết
  + Thực hành, thực tập: ....tiết
  + Hoạt động theo nhóm: .... tiết
  + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đối tượng, ý nghĩa, nhiệm vụ và các phương pháp của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm được và vận dụng được các nội dung chi tiết của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh để có thể phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp thực tế.

Học phần này thuộc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế kế hoạch và đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh như đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa và các phương pháp của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức chi tiết về các nội dung phân tích kế hoạch

sản xuất kinh doanh bao gồm: phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất kinh doanh, phân tích kế hoạch chi phí và giá thành, phân tích kế hoạch sản xuất, phân tích kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể đánh giá, phân tích được thực trạng về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có cơ sở ra các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ CO4: Trang bị cho sinh viên những kiến thức để có khả năng đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; tự học và tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức và phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

+ CO6: Sinh viên có trách nhiệm với các báo cáo phân tích của mình, tuân thủ pháp luật và thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua việc trình bày báo cáo phân tích.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được về đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa và các phương pháp của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh.	PLO3	M
CO2	CLO2	Xây dựng được các nội dung phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh: phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất kinh doanh, phân tích kế hoạch chi phí và giá thành, phân tích kế hoạch sản xuất, phân tích kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Tổ chức phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.	PLO9 PLO10	M L

CO4	CLO4	Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.	PLO12 PLO10	M L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức và phát triển nghề nghiệp.	PLO13	M
CO6	CLO6	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đỗ Huyền Trang (Chủ biên), *Giáo trình Phân tích kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội, (2018).
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Phân tích kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, (2009). Phạm Văn Dược, *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Thống kê, (2008).
Các loại học liệu khác:	www.mof.gov.vn; www.vaa.org.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được nội dung cốt lõi của môn học.	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh** 1.1. Khái quát	CLO1
[2] [2 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh (tiếp theo)** 1.2. Các phương pháp phân tích Bài tập vận dụng các phương pháp phân tích	CLO1, CLO5
[3] [2 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh (tiếp theo)** 1.2. Các phương pháp phân tích (tiếp theo) Bài tập vận dụng các phương pháp phân tích	CLO1, CLO5
[4] [2 tiết]	**Chương 2: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất kinh doanh** 2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích 2.2. Phân tích kế hoạch sử dụng lao động Bài tập vận dụng phân tích kế hoạch sử dụng lao động	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	**Chương 2: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất kinh doanh (tiếp theo)** 2.2. Phân tích kế hoạch cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu. Bài tập vận dụng phân tích kế hoạch cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	**Chương 2: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất kinh doanh (tiếp theo)** 2.2. Phân tích kế hoạch cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu (tiếp theo) Bài tập vận dụng phân tích kế hoạch cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu (tiếp theo)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích kế hoạch chi phí và giá thành** 3.1. Ý nghĩa và nội dung phân tích 3.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm Bài tập vận dụng phân tích tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	**Chương 3: Phân tích kế hoạch chi phí và giá thành (tiếp theo)** 3.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	doan[illegible]h và giá thành sản phẩm (tiếp theo) Bài t[illegible]ập vận dụng (tiếp theo)	
[9] [2 tiết]	**Chu[illegible]ơng 3: Phân tích kế hoạch chi phí và giá thành (tiế[illegible] theo)** 3.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doa[illegible]h và giá thành sản phẩm (tiếp theo) Bài [illegible]ập vận dụng (tiếp theo)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 3: Phân tích kế hoạch chi phí và giá thành (tiế[illegible] theo)** 3.2 - Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doa[illegible]h và giá thành sản phẩm (tiếp theo) Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 4: Phân tích kế hoạch sản xuất** 4.1 - Phân tích kết quả khối lượng sản xuất Bài tập vận dụng phân tích kết quả khối lượng sản xuất	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 4: Phân tích kế hoạch sản xuất (tiếp theo)** 4.2 - Phân tích chất lượng sản phẩm Bài tập vận dụng phân tích chất lượng sản phẩm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 4: Phân tích kế hoạch sản xuất (tiếp theo)** 4.2 - Phân tích chất lượng sản phẩm (tiếp theo) Bài tập vận dụng phân tích chất lượng sản phẩm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 5: Phân tích kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận** 5.1 - Phân tích kế hoạch tiêu thụ Bài tập vận dụng phân tích kế hoạch tiêu thụ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	**Ch[illegible]ơng 5: Phân tích kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận (tiếp theo)** 5.2. Phân tích tình hình lợi nhuận Bài tập vận dụng phân tích tình hình lợi nhuận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
			40%
1	**Quá trình**		
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	

	Bài kiểm tra	Sinh viên làm 1 hoặc nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	30%
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Huyền Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: dohuyentrang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0941.231.579

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Xuân Quỳnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lexuanquynh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0933.700.011

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Vân Trâm
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenvantram@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0935.425.983

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Lê Mộng Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lemonghuyen@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0385.746.693

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Lương Thị Thúy Diễm
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: luongthithuydiem@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989.692.578

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Trà Ngọc Vy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyentrangocvy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0917.914.566

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp

Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
ThS. Lương Thị Thúy Diễm	TS. Đào Nhật Minh	PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Q. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn

85. [1140198] Kỹ năng xúc tiến đầu tư: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Mã học phần: 1140198

Tên tiếng Anh: SKILL OF INVESTMENT PROMOTION

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kỹ năng xúc tiến đầu tư
- Mã học phần: 1140198 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 2, Đầu tư nước ngoài
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  + Thảo luận: 12 tiết
  + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hành vi của nhà đầu tư, hoạt động thu hút đầu tư. Học phần cũng đi sâu phân tích bản chất của hoạt động xúc tiến đầu tư như nội dung, quy trình, cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư và phân tích các kỹ năng, công cụ được sử dụng trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, đầu tư nước ngoài; môn học trang bị những kiến thức thực tiễn về hoạt động xúc tiến đầu tư.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà đầu tư, hành vi của nhà đầu tư và hoạt động thu hút đầu tư.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất về xúc tiến đầu tư, các kỹ

năng, công cụ được sử dụng trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất các giải pháp, kiến nghị liên quan đến thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư.

+ CO4: Đồng thời trang bị thêm các kỹ năng phân tích, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hoạch định các vấn đề liên quan đến thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập nhóm đầy đủ theo số giờ quy định và trách nhiệm.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để ứng dụng giải quyết, ra quyết định các vấn đề liên quan trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích, đánh giá được bản chất của nhà đầu tư, hành vi đầu tư và hoạt động thu hút đầu tư	PLO2	H
CO2	CLO2	Xác định và giải thích được các kiến thức về hoạt động xúc tiến đầu tư; kỹ năng, công cụ thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Đề xuất các giải pháp, kiến nghị liên quan thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư.	PLO12	H
CO4	CLO4	Đánh giá được tình huống và đưa ra các quyết định sử dụng các	PLO9, PLO12	M

		kỹ năng, công cụ xúc tiến đầu tư trong thực tiễn.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Thể hiện ý thức đạo đức, ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	H
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu và vận dụng các kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan trong thực tiễn.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Hoàng Thị Hoài Hương, Bài giảng Kỹ năng xúc tiến đầu tư, tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2020)
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bộ Kế hoạch và đầu tư, *Kỹ năng xúc tiến đầu tư*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (2003) 2. Phùng Xuân Nhạ, *Giáo trình Đầu tư quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, (2001)
Các loại học liệu khác:	www.mpi.gov.vn, www.dautunuocngoai.gov.vn

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi thực tiễn	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm dược cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống và đặt ra các vấn đề trong thực tiễn để nhóm sinh viên nâng cao khả năng tự học và	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	tư duy.	

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về đầu tư và nhà đầu tư** 1.1.Đầu tư và đầu tư nước ngoài 1.2. Thu hút đầu tư 1.3. Hành vi đầu tư	CLO1
[2] [2 tiết]	**Chương 1: Tổng quan về đầu tư và nhà đầu tư** 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn địa điểm đầu tư 1.5. Quy trình lựa chọn địa điểm đầu tư	CLO1
[2] [3 tiết]	**Chương 2: Xây dựng cơ quan xúc tiến đầu tư** 2.1. Mô hình tổ chức cơ quan xúc tiến đầu tư (IPA) 2.2. Xây dựng chức năng thẩm quyền của IPA 2.3. Cơ cấu của IPA 2.4. Nội dung kế hoạch hóa và quản lý nội bộ của IPA	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	**Chương 3: Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư** 3.1.Đánh giá tiềm năng đầu tư của địa phương 3.2. Xác định mục tiêu thu hút, đối tượng thu hút	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	**Chương 3: Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư (tiếp theo)** 3.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	**Chương 4: Xây dựng mối quan hệ đối tác hiệu quả** 4.1. Xác định các loại quan hệ đối tác cần thiết 4.2. Quản lý các mối quan hệ đối tác 4.3. Đánh giá quan hệ đối tác	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [2 tiết]	**Chương 5: Xây dựng hình ảnh địa phương** 5.1. Tạo cơ hội đầu tư 5.2. Xây dựng các chủ đề Marketing	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	**Chương 5: Xây dựng hình ảnh địa phương (tiếp theo)** 5.3. Lựa chọn và xây dựng các công cụ xúc tiến	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm về xây dựng hình ảnh và quảng bá hình ảnh tại một số địa phương**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

		CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	**Chương 6: Lựa chọn mục tiêu và tạo cơ hội đầu tư** 6.1. Vận động đầu tư 6.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu đầu tư 6.3. Lập kế hoạch và chiến dịch vận động đầu tư 6.3. Thiết lập các cuộc tham quan, khảo sát thực địa	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [2 tiết]	**Chương 7: Cung cấp dịch vụ cho các nhà đầu tư** 7.1. Chuẩn bị khảo sát thực địa 7.2. Chuẩn bị và sắp xếp cuộc khảo sát 7.3. Theo dõi sau chuyến đi 7.4. Tạo dựng hoạt động theo dõi và hỗ trợ nhà đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [2 tiết]	**Chương 8: Giám sát và đánh giá các hoạt động và kết quả** 8.1. Vai trò của hoạt động giám sát và đánh giá 8.2. Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá 8.3. Kỹ năng giám sát	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	**Thảo luận nhóm và tổng kết**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	***Quá trình***				***30%***
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không	Đầu hoặc cuối buổi	CLO5	

		quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	học		
	Bài tập nhóm thảo luận	Sinh viên làm bài thảo luận và các câu hỏi tình huống theo yêu cầu của giảng viên - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đáp ứng yêu cầu của giảng viên	Tùy theo các nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	20%
2	***Cuối kỳ***	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	*70%*

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0973 677 368

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0967169689

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp theo yêu cầu của giáo viên
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực

Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN	TRƯỞNG BỘ MÔN	TRƯỞNG KHOA
TS. Hoàng Thị Hoài Hương	TS. Hoàng Thị Hoài Hương	PGS.TS.Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

TS. Đinh Anh Tuấn